

BỘ TƯ PHÁP

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA
HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT
NHẪM THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH
CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, tháng năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG	4
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	4
1. Bối cảnh thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam.....	4
2. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm	7
3. Chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	7
II. TỔNG QUAN VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM.....	9
1. Khái niệm kinh doanh có trách nhiệm.....	9
2. Động lực thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm	11
3. Những yêu cầu cơ bản của thực hành kinh doanh có trách nhiệm	14
III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA NHẪM THỨC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM.....	16
1. Quá trình phát triển của các sáng kiến về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên thế giới	16
2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong xây dựng và triển khai Chương trình hành động quốc gia nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm	17
2.1. Nhật Bản.....	18
2.2. Đức.....	22
2.3. Thái Lan	27
3. Một số nhận xét và kinh nghiệm tham khảo đối với Việt Nam.....	33
PHẦN 2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM.....	35
I. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM.....	35
1. Pháp luật về đầu tư	35
2. Pháp luật về lao động	37
3. Pháp luật về môi trường	46
4. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	48
5. Pháp luật về kinh doanh và bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương	49
6. Pháp luật về các biện pháp khắc phục.....	54
II. THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ MỘT SỐ VỤ VIỆC CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM.....	58
1. Đầu tư chọn lọc	58
2. Lao động.....	62
3. Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương.....	63
4. Bảo vệ môi trường.....	66
5. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	68

6. Các biện pháp khắc phục.....	71
PHẦN 3. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NHẪM THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM.....	74
I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ KẾT CẤU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	74
1. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Chương trình	74
2. Mục tiêu của Chương trình	74
3. Phạm vi của Chương trình.....	75
II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP	76
1. Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và doanh nghiệp, người dân về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm	76
2. Hoàn thiện chính sách và pháp luật.....	77
3. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật.....	82
4. Chia sẻ thông tin về tình hình kết quả của các hoạt động trong các chương trình Đề án, các diễn đàn, Hội nghị quốc tế có liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm.....	86
5. Sơ kết, tổng kết, đánh giá việc triển khai Đề án.....	86
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	86
1. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội.....	86
1.1. Bộ Tư pháp.....	86
1.2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....	87
1.3. Doanh nghiệp	87
1.4. Các cơ quan, tổ chức	87
2. Kinh phí thực hiện.....	87

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Bối cảnh thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh để phát triển nhanh và bền vững vừa là yêu cầu, đồng thời là mục tiêu của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan trong các hoạt động này là trách nhiệm của cả Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của Việt Nam đã khẳng định quan điểm “*coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển*”.¹

Quá trình đổi mới và phát triển của Việt Nam trong hơn 36 năm qua (từ năm 1986) đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất tại châu Á.² Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, trong bối cảnh kinh tế thế giới nói riêng và tình hình quốc tế nói chung sẽ còn có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và bài phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Chính phủ với các địa phương tổng kết công tác năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023 ngày 03/01/2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng;³ và Báo cáo số 414/BC-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ,⁴ dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023⁵ đã đánh giá, kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro; các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm; chất lượng môi trường ở nhiều nơi xuống cấp, nhất là tại các đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, lưu vực một số sông... Đây không phải vấn đề chỉ riêng của Việt Nam mà của nhiều

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 215 (Mục II.3 Chiến lược).

² Xem <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview> và <https://www.imf.org/en/News/Articles/2022/08/26/CF-Vietnam-bucks-Asias-Downbeat-Growth>

³ Kèm theo Văn bản số 5034-CV/VPTW ngày 09/10/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng và <https://baochinhphu.vn/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-chinh-phu-voi-cac-dia-phuong-102230103163547745.htm>.

⁴ Báo cáo số 414/BC-CP ngày 14/10/2022 của Chính phủ về Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

⁵ Kèm theo Văn bản số 23/VPCP-TH ngày 03/01/2023 của Văn phòng Chính phủ.

quốc gia khác trên thế giới, nhất là trong bối cảnh sau COVID-19 và triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Lý do là tăng trưởng kinh tế nhanh không chỉ mang đến cơ hội mà còn đi kèm một số rủi ro về xã hội và môi trường có ảnh hưởng rộng khắp đến người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sinh kế của người dân.

Trong bối cảnh đó, chìa khóa để cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của Việt Nam chính là thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu về “*Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*”, “*xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh*”; “*khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội*”, và “*Khuyến khích làm giàu theo pháp luật... gắn với nâng cao trách nhiệm xã hội*”.⁶

Hiện nay, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) được hiểu là mang tính khuyến khích, có thể được hiểu là một thuật ngữ bao quát trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với các chủ thể khác trong xã hội.⁷ Trong khi đó, thực hành kinh doanh có trách nhiệm (RBP) là mang tính bắt buộc, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các chủ thể liên quan, như: người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng dân cư chịu tác động từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hành kinh doanh có trách nhiệm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn, như: phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra các vi phạm.⁸ Đây là trách nhiệm chính của doanh nghiệp; tuy nhiên, Nhà nước và xã hội cũng có trách nhiệm để thúc đẩy và bảo đảm tuân thủ.

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 134, 144, 168, 265.

⁷ Khái niệm CSR lần đầu tiên được các tập đoàn xuyên quốc gia giới thiệu tại Việt Nam vào giữa thập niên 90 thông qua Bộ quy tắc ứng xử hay tiêu chuẩn lao động cho các nhà cung cấp trong nước, tập trung vào lĩnh vực dệt may. Kể từ đó, CSR tiếp tục được phát triển, chủ yếu dưới dạng các quy tắc ứng xử tự nguyện, các hoạt động và chương trình từ thiện để tuân thủ các tiêu chuẩn xã hội và môi trường, thường được thực hiện và giám sát bởi các công ty nước ngoài tại Việt Nam. Trong nhiều trường hợp, để tuân thủ các tiêu chuẩn CSR của các tập đoàn xuyên quốc gia, đặc biệt là công ty của châu Âu và Hoa Kỳ, các doanh nghiệp trong nước đã thực hiện các tiêu chuẩn cao hơn yêu cầu của luật pháp trong nước. Việc thúc đẩy CSR thông qua các công ty xuyên quốc gia cũng được hỗ trợ bởi các tổ chức đại diện doanh nghiệp tại Việt Nam, như Phòng Thương mại châu Âu và Hoa Kỳ với việc đưa các tiêu chuẩn CSR tối thiểu vào nội dung đàm phán đầu tư. Xem *Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm* (của UNDP và Bộ Tư pháp xây dựng với sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển), Hà Nội, tháng 10/2020, tr. 13.

⁸ *Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm* (của UNDP và Bộ Tư pháp xây dựng với sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển), Hà Nội, tháng 10/2020, tr. 14-15.

Việt Nam cũng đã phê chuẩn một số điều ước quốc tế quan trọng trong đó thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người nói chung và kinh doanh có trách nhiệm nói riêng, như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – EU (EVFTA); Công ước về Quyền trẻ em, Công ước về xóa bỏ các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) và một số công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)... Các điều ước quốc tế này đã yêu cầu các nước thành viên, trong đó có Việt Nam, nỗ lực khuyến khích, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội (thực hành kinh doanh có trách nhiệm) trong lĩnh vực môi trường, lao động, phát triển bền vững và đưa các tiêu chuẩn tối thiểu về thực hành kinh doanh có trách nhiệm vào nội dung luật pháp trong nước cũng như tổ chức thi hành hiệu quả các yêu cầu này. Việt Nam đồng thời đã và đang hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy định và chính sách trên nhiều lĩnh vực để bảo vệ người dân, cộng đồng và môi trường nhằm tránh những tác động tiêu cực từ các hoạt động kinh doanh. Những nỗ lực này là minh chứng rõ ràng cho cam kết của Chính phủ về đảm bảo thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Mặc dù Việt Nam đã có hệ thống quy định khá chặt chẽ về thực hành kinh doanh có trách nhiệm nhưng một số lĩnh vực cần được tiếp tục củng cố, tăng cường để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã và đang nỗ lực thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của Liên Hợp quốc,⁹ gồm 17 Mục tiêu liên kết với nhau và đầy tham vọng nhằm giải quyết những thách thức phát triển lớn mà thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng phải đối mặt, trong đó có các mục tiêu liên quan trực tiếp đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như: Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững; Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai; Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất...¹⁰ Do đó, thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm sẽ góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của Liên Hợp quốc mà Việt Nam cam kết.

⁹ Như: Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 Thủ tướng Chính phủ về lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030...

¹⁰ Mục tiêu số 12, 13, 15... của 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc.

2. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Ngày 30/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, trong đó giao Bộ Tư pháp xây dựng “*Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam*” để trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2023.¹¹ Nhiệm vụ này được nhắc lại tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.¹²

Việc xây dựng “*Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam*” cần đáp ứng một số yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, năng lực về thực hành kinh doanh có trách nhiệm cho các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, người dân và xã hội; góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc mà Việt Nam cam kết.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Thứ ba, thúc đẩy hiệu quả, chất lượng của công tác tổ chức thi hành chính sách, pháp luật liên quan.

3. Chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

3.1. Như đã đề cập ở trên, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “*Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ... thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*”, “*xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh*”; “*khuyến khích doanh nhân thực hiện trách nhiệm xã hội và tham gia phát triển xã hội*”.¹³

¹¹Mục 70 Phụ lục III Danh mục các Chương trình, Đề án kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ.

¹² Mục 25 Phụ lục V Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 (thời hạn trình là tháng 6/2023).

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 133-134, 144, 168.

Đồng thời, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng khẳng định chính sách: “*khuyến khích làm giàu theo pháp luật ... gắn với **nâng cao trách nhiệm xã hội***”¹⁴.

3.2. Trước đó, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã xác định: “*Đội ngũ doanh nhân ngày càng lớn mạnh, có khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. **Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đạo đức, văn hoá kinh doanh của doanh nhân dân được nâng lên***”¹⁵.

Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) nhấn mạnh: “*Về phía các doanh nhân, doanh nghiệp, cần chủ động, tích cực hơn nữa trong đổi mới quản lý, quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh của doanh nghiệp cũng như từng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cụ thể ... thực hiện nghiêm mọi quy định của pháp luật, nhất là quy định của pháp luật về **trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp**, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người lao động, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo vệ tài nguyên, môi trường...*”¹⁶.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trong đó tại mục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xác định: “*Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về **trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp** đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại...*”¹⁷.

3.3. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng có các chỉ đạo về tăng cường thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Nghị quyết 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững, trong đó xác định: “***phát triển bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương;***

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr. 265.

¹⁵ Mục I.1 Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,

¹⁶ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

¹⁷ Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

của các cơ quan, doanh nghiệp, đoàn thể xã hội, các cộng đồng dân cư và mỗi người dân ... Huy động mọi nguồn lực xã hội; tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030”; “tăng cường gắn kết và huy động doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm cho người lao động”; “hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình kinh doanh bền vững, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường”; và “Đẩy mạnh các hoạt động, chương trình, dự án liên quan đến doanh nghiệp phát triển bền vững”¹⁸.

Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, trong đó đưa ra một số mục tiêu, như: *“tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội và đóng góp của doanh nghiệp đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp thông qua các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp, của cộng đồng và xã hội”; “tăng cường trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn”, “nâng cao trách nhiệm của chủ doanh nghiệp, người sử dụng lao động về bảo đảm an toàn cho người lao động” ...*¹⁹

Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030 xác định quan điểm: *“phát triển doanh nghiệp khu vực tư nhân hiệu quả, bền vững, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường”*.²⁰

II. TỔNG QUAN VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

1. Khái niệm kinh doanh có trách nhiệm

Tăng trưởng kinh tế nhanh không chỉ mang lại cơ hội mà còn đi kèm những rủi ro về xã hội và môi trường do hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh. Những rủi ro này có thể ảnh hưởng đến người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng tại địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tác động tới các

¹⁸ Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững.

¹⁹ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

²⁰ Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sinh kế của cư dân địa phương. Khi thiếu sự kiểm soát chặt chẽ và/hoặc không có quy định, hướng dẫn rõ ràng hay ưu đãi, răn đe thích hợp, các doanh nghiệp có thể tự do theo đuổi lợi ích kinh tế mà bỏ qua các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường.

Việc lồng ghép các tiêu chuẩn xã hội và môi trường vào lĩnh vực kinh doanh không phải là một sáng kiến mới. Tuy nhiên, theo quan điểm hiện nay, thực hành kinh doanh có trách nhiệm không chỉ tuân thủ pháp luật mà còn cần đảm bảo những chính sách và quy phạm pháp luật có thể bảo vệ người dân khỏi những tổn hại do hoạt động của doanh nghiệp gây ra. Đồng thời, những cá nhân bị ảnh hưởng có quyền tiếp cận công lý thông qua cơ chế giải quyết khiếu nại, giải quyết tranh chấp tin cậy, hiệu quả. Cùng với việc mở rộng hoạt động và ảnh hưởng của doanh nghiệp, vấn đề trách nhiệm của doanh nghiệp ngày càng được quan tâm hơn. Vì vậy, “thực hành kinh doanh có trách nhiệm” (RBP) đã và đang trở thành một trong các quan tâm hàng đầu của ở tầm quốc tế, khu vực cũng như quốc gia.

Chính vì vậy, Liên Hợp Quốc (LHQ) đã coi thực hành kinh doanh có trách nhiệm là một vấn đề quan trọng trong hoạt động của mình trên toàn thế giới. LHQ đã hỗ trợ các quốc gia thực hiện các Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và quyền con người (UNGP)²¹ thông qua việc xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia (NAP). NAP được xem là một chính sách chiến lược được liên tục phát triển và xây dựng để tăng cường thực hành kinh doanh có trách nhiệm phù hợp với UNGP.²²

Tại Việt Nam, những nỗ lực nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm, bền vững đã và đang được thể hiện qua lăng kính trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Mức độ thực hiện trách nhiệm xã hội là nội dung trọng tâm để xem xét các cơ chế khuyến khích đối với doanh nghiệp nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm và ngăn chặn các hành vi kinh doanh thiếu đạo đức. Như đã đề cập, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp có thể được hiểu là một thuật ngữ bao quát trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với các chủ thể khác trong xã hội.²³

Hiện tại, khái niệm “kinh doanh có trách nhiệm” vẫn chưa được biết đến rộng rãi tại Việt Nam. Về bản chất, kinh doanh có trách nhiệm có thể được hiểu là “lợi

²¹UNGP.

²²Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và quyền con người (UNWG), ‘Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người’,(2016). Thông tin có tại: https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/UNWG_NAPGuidance.pdf. Truy cập ngày 30/8/2020. Trang 1.

²³Nguyễn, M., Bensemann, J. và Kelly, S., ‘Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam: Khung khái niệm’, Tạp chí Quốc tế về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, (2018). Thông tin có tại: <https://doi.org/10.1186/s40991-018-0032-5>. Truy cập ngày 31/8/2020.

nhuận dựa trên nguyên tắc”. Các doanh nghiệp cần tạo ra lợi nhuận nhưng không được gây ra những tác động tiêu cực một cách bất hợp lý đến con người và hành tinh. Nói cách khác, yếu tố cốt lõi của kinh doanh có trách nhiệm là tạo ra sự cân bằng giữa 3 chữ P (Profit, People and Planet) nghĩa là Lợi nhuận, Con người và Hành tinh. Trong phạm vi Đề án này, *thực hành kinh doanh có trách nhiệm được hiểu là việc thực hiện các hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật và thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn bằng việc phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra vi phạm các tiêu chuẩn liên quan.*²⁴

2. Động lực thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Trong bối cảnh hầu hết các quốc gia, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội đang nỗ lực thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm trên phạm vi toàn cầu, xu hướng chuyển hóa các tiêu chuẩn về hành vi kinh doanh có trách nhiệm thành các quy định bắt buộc, sự phụ thuộc vào các hoạt động xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam, có nhiều lý do hết sức thuyết phục để Chính phủ Việt Nam có cái nhìn dài hạn và chủ động thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm, trong đó có việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế không bắt buộc (như UNGPs) về vấn đề này.

Những lý do thuyết phục cho đề xuất này được thể hiện trong hình dưới đây:

Nâng cao năng lực cạnh tranh	Quản lý rủi ro	Tạo sự nhất quán
<ul style="list-style-type: none"> + Sẵn sàng cho việc xây dựng và ban hành pháp luật về rà soát về quyền con người + Nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế 	<ul style="list-style-type: none"> + Tránh được các lệnh cấm xuất khẩu + Chủ động đối phó với biến đổi khí hậu và tự động hóa 	<ul style="list-style-type: none"> + Gắn kết giữa Hành vi kinh doanh có trách nhiệm và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) + Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các doanh nghiệp thuộc nền kinh tế phi chính thức

Động lực chủ đạo cho sự phát triển các sáng kiến CSR nói riêng và thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên toàn cầu và ở Việt Nam chính là sự gia tăng nhận thức về “hiệu quả kinh doanh” khi thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp. Nói cách khác, việc tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội và môi trường có thể giúp cho các doanh

²⁴UNGP. Nguyên tắc 11, Nguyên tắc nền tảng A.

nghiệp hạn chế rủi ro kinh doanh, mở rộng thị trường, phát triển nguồn khách hàng và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Ngày càng có nhiều đồng thuận giữa các doanh nghiệp trong việc áp dụng khung “tam giác bền vững”: lợi nhuận - con người - hành tinh,²⁵ là thước đo hiệu quả về tài chính, xã hội và môi trường của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng bền vững.²⁶

Thứ nhất, yếu tố đầu tiên là sự phát triển của chủ nghĩa tiêu dùng có đạo đức với những đòi hỏi ngày càng khắt khe về cách thức sản xuất sản phẩm và phân phối dịch vụ, đây cũng là yếu tố đặc biệt quan trọng với các thương hiệu lớn. Trong bối cảnh như vậy, các thương hiệu lớn phải đối mặt với rủi ro mất uy tín nghiêm trọng nếu liên quan đến các hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm.²⁷

Thứ hai, các nhà đầu tư đang ngày càng trở nên thận trọng khi đánh giá lợi nhuận tài chính trong tương lai bằng cách áp dụng Khung đánh giá Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), theo đó tập trung phân tích tài chính các yếu tố ESG của một doanh nghiệp có thể đầu tư. Tác động tiêu cực đến lợi nhuận đầu tư từ những rủi ro tiềm ẩn hoặc hiện hữu do việc vi phạm các tiêu chuẩn xã hội và môi trường đang ngày càng được quan tâm thông qua việc các nhà đầu tư đang tăng cường chú ý đến các yếu tố ESG. Do đó, các nước đang phát triển cần xem xét thực tế này trong hoạt động thu hút đầu tư.

Thứ ba, nhiều quốc gia đã nhận ra rủi ro tiềm ẩn từ các hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm đối với xã hội và môi trường, từ đó đã tăng cường điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp, ví dụ: Đạo luật chống nô lệ thời hiện đại năm 2015 của Anh;²⁸ Luật về nghĩa vụ cẩn trọng của doanh nghiệp năm 2017 của Pháp;²⁹ hay Đạo luật Rà soát của Doanh nghiệp trong các chuỗi cung ứng năm 2021 của Đức. Hơn nữa, khi tăng cường quan hệ đối tác với khu vực kinh tế tư nhân để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDG), các Chính phủ cần giám sát kỹ lưỡng hơn hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương của doanh nghiệp. Ví dụ, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của LHQ (Chương trình nghị sự 2030) kêu gọi thúc đẩy một khu vực kinh doanh năng động, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững đồng

²⁵ 3Ps: profit – people – planet.

²⁶The Economist, “Khung tam giác bền vững”, (ngày 17/11/2009). Thông tin có tại: <https://www.economist.com/news/2009/11/17/triple-bottom-line>. Truy cập ngày 31/8/2020.

²⁷Nielsen, ‘Sự phát triển bền vững tiếp tục trên đà tăng trưởng đối với người tiêu dùng Singapore và Đông Nam Á’, (2015). Thông tin có tại: <https://www.nielsen.com/sg/en/press-releases/2015/sustainability-continues-to-gain-momentum-among-singaporeans-and-southeast-asian-consumers/>. Truy cập ngày 06/9/2020.

²⁸Đạo luật Chống nô lệ thời hiện đại (Vương quốc Anh), (2015).

²⁹Luật về Nghĩa vụ cẩn trọng của doanh nghiệp (Pháp), (2017). Truy cập ngày 06/9/2020.

thời vẫn phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm UNGP.³⁰

Việc các tổ chức phi chính phủ, truyền thông và công đoàn tăng cường nhận thức về việc doanh nghiệp vi phạm các tiêu chuẩn xã hội và môi trường, cùng với sự trao đổi thông tin trực tuyến dễ dàng đã tạo thêm áp lực buộc các doanh nghiệp phải hành xử có trách nhiệm. Nhiều hiệp hội ngành hàng đã nhận ra những rủi ro trên và tiến hành xây dựng các sáng kiến bền vững để bảo vệ danh tiếng các doanh nghiệp trong ngành, như: Sáng kiến Lao động có trách nhiệm do Hiệp hội doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp điện tử (EICC)³¹ thực hiện; Tài liệu đánh giá tác động và ý nghĩa của UNGP trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp của Nhóm Ngân hàng Thun.³²

Các minh chứng cụ thể về “hiệu quả kinh doanh” nhờ thực hiện trách nhiệm xã hội ngày càng khiến các doanh nghiệp khó có thể bỏ qua. Nghiên cứu của Giáo sư Robert G. Eccles (Trường Kinh doanh Harvard) đã xem xét hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp có “tính bền vững cao” so với các doanh nghiệp có “tính bền vững thấp” ở Hoa Kỳ trong 18 năm. Các doanh nghiệp có tính bền vững cao có kết quả hoạt động vượt trội hơn so với doanh nghiệp có tính bền vững thấp, trên cả thị trường chứng khoán và các chỉ số kế toán.³³

Liên quan đến vốn nhân lực, Công ty McKinsey & Company ước tính các công ty nằm trong nhóm hàng đầu về đa dạng giới có khả năng đạt được lợi nhuận tài chính cao hơn 15% so với mức trung bình của toàn ngành.³⁴ Về đầu tư, các tài sản đầu tư áp dụng tiêu chí “Đầu tư có trách nhiệm xã hội” (SRI) đã tăng 25% trên toàn thế giới trong giai đoạn 2014-2016, với tổng giá trị là 23 nghìn tỷ USD.³⁵ Tài sản SRI ở châu Á có tiềm năng tăng trưởng lớn do sự gia tăng liên tục số lượng người

³⁰LHQ, ‘Thay đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030’.

³¹Hiệp hội doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp điện tử (EICC), ‘Sáng kiến lao động có trách nhiệm’. Thông tin có tại: <http://www.responsiblebusiness.org/initiatives/rli/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

³²Nhóm Ngân hàng Thun, ‘Báo cáo về ảnh hưởng của UNGP Nguyên tắc 13b và 17 về hoạt động ngân hàng đầu tư và doanh nghiệp’, (2017). Thông tin có tại: <https://www.business-humanrights.org/en/thun-group-of-banks-releases-new-discussion-paper-on-implications-of-un-guiding-principles-for-corporate-investment-banks>. Truy cập ngày 31/8/2020.

³³Eccles, R.G., Ioannou, J., Serafeim, G., ‘Tác động của cách tiếp cận doanh nghiệp bền vững lên hiệu quả hoạt động và các quy trình tổ chức’, Tạp chí Management Science, Tập 60, Số 11, (2014). Thông tin có tại: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1964011. Truy cập ngày 31/8/2020. Trang 2835-2857.

³⁴Công ty McKinsey & Company, ‘Tại sao sự đa dạng quan trọng’, (2015). Thông tin có tại: <https://www.mckinsey.com/~media/McKinsey/Business%20Functions/Organization/Our%20Insights/Why%20diversity%20matters/Why%20diversity%20matters.pdf>. Truy cập ngày 31/08/2020.

³⁵Liên minh Phát triển bền vững toàn cầu (GSIA), ‘Đánh giá đầu tư phát triển bền vững trên toàn cầu’, (2016). Thông tin có tại: http://www.gsi-alliance.org/wp-content/uploads/2017/03/GSIR_Review2016.F.pdf. Truy cập ngày 22/9/2020. Trang 7.

tiêu dùng tại khu vực này, đặc biệt người tiêu dùng có đạo đức sinh trong thập niên 80 và 90.

Hiệu quả từ thực hành kinh doanh có trách nhiệm ngày càng lớn đã giúp nhiều Chính phủ nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng luật pháp và chính sách để tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thu hút dòng vốn FDI có trách nhiệm và bền vững. Điều này cũng giúp các doanh nghiệp nắm rõ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn của đất nước, cũng như những đảm bảo cần thiết để quyết định đầu tư có quy mô lớn và dài hạn hơn.

3. Những yêu cầu cơ bản của thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc (UNHRC) nhất trí thông qua vào năm 2011, Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người của Liên hợp quốc (UNGPs) là tiêu chuẩn có tính chất toàn cầu về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. UNGPs đã được lồng ghép vào các khuôn khổ quốc tế quan trọng về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như Tuyên bố về Doanh nghiệp đa quốc gia của ILO,³⁶ Hướng dẫn của OECD,³⁷ Tiêu chuẩn ISO 26000 của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế,³⁸ Khung phát triển bền vững và Tiêu chuẩn hoạt động của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC),³⁹ Hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững của Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI),⁴⁰ Hiệp ước Toàn cầu của LHQ (UN Global Compact)⁴¹...

UNGPs dựa trên ba trụ cột: (1) Nghĩa vụ của quốc gia trong việc bảo vệ và chống lại vi phạm quyền con người (hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm) do doanh nghiệp gây ra thông qua các chính sách, quy định và xét xử thích hợp; (2) Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền con người; và (3) Sự tiếp cận các biện pháp khắc phục tư pháp và phi tư pháp hiệu quả của các chủ thể bị ảnh hưởng do tác động

³⁶ILO, 'Tuyên bố ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội (Tuyên bố về doanh nghiệp đa quốc gia)', Phiên bản thứ 5, (2017). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/empent/Publications/WCMS_094386/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 31/8/2020.

³⁷OECD, 'Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp đa quốc gia'. Thông tin có tại: <https://mneguidelines.oecd.org/guidelines/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

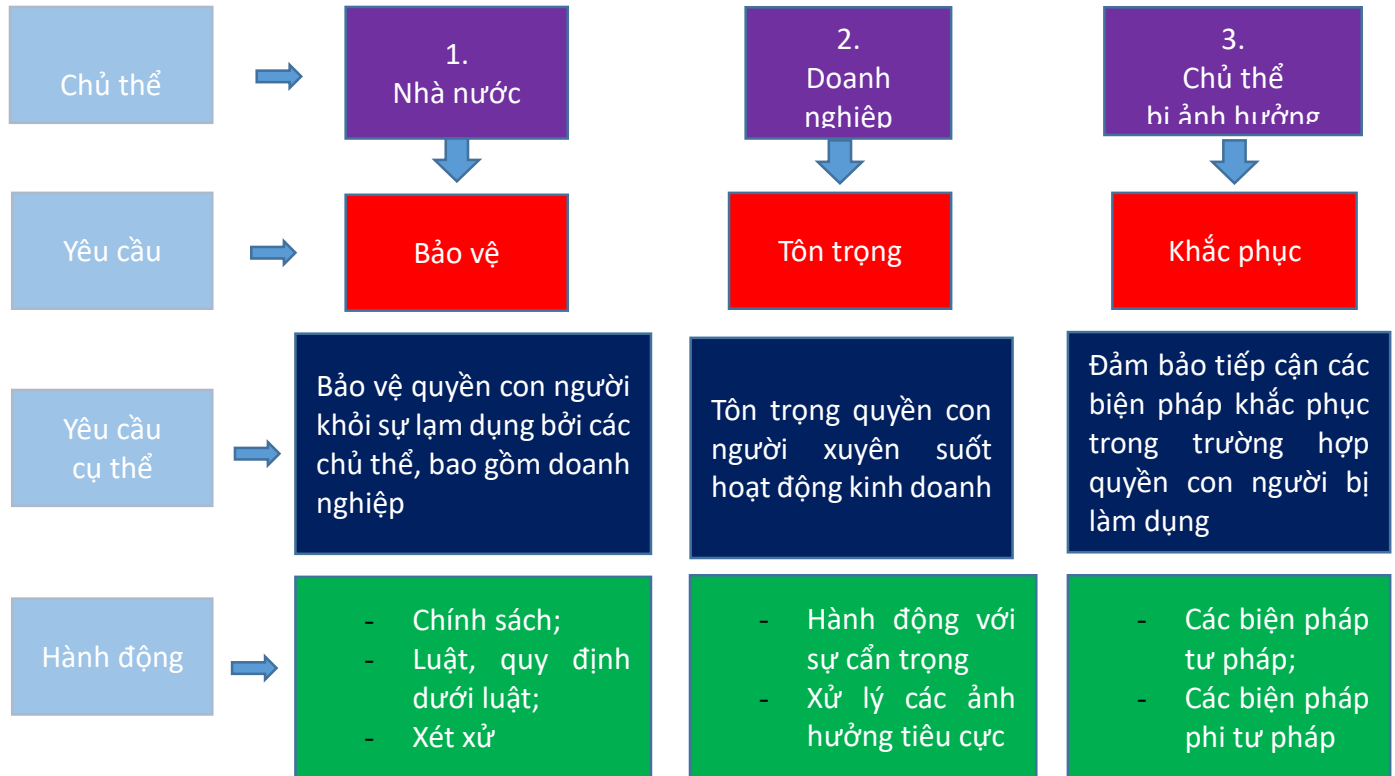
³⁸Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), 'ISO 26000 - Trách nhiệm xã hội'. Thông tin có tại: <https://www.iso.org/iso-26000-social-responsibility.html>. Truy cập ngày 31/8/2020.

³⁹Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), 'Khung bền vững', (2012). Thông tin có tại: https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/policies-standards/sustainability+framework. Truy cập ngày 31/8/2020.

⁴⁰Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Thông tin có tại: <https://www.globalreporting.org/Pages/default.aspx>. Truy cập ngày 31/8/2020.

⁴¹UN Global Compact. Thông tin có tại: <https://www.unglobalcompact.org/>. Xem thêm Báo cáo về phiên họp thứ 29 của UNHRC [UN Doc A/HRC/29/28], (2015). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/Reports.aspx>. Truy cập ngày 31/8/2020.

tiêu cực của hoạt động kinh doanh thiếu trách nhiệm (*xem hình bên dưới*).



III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA NHẪM THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM

1. Quá trình phát triển của các sáng kiến về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên thế giới

Mặc dù thuật ngữ “Thực hành kinh doanh có trách nhiệm” (RBP) mới chỉ xuất hiện trong thời gian gần đây, nhiều tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Tổ chức Hợp tác Phát triển kinh tế (OECD) đã và đang tham gia vào sự phát triển của các tiêu chuẩn về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm⁴². Phiên bản đầu tiên của Bản hướng dẫn của OECD về Doanh nghiệp Đa quốc gia (1976) và cũng như Tuyên bố Ba bên của ILO về Các nguyên tắc liên quan đến Doanh nghiệp Đa quốc gia (1977) đều hướng đến thúc đẩy Thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Các phiên bản mới nhất của các tiêu chuẩn mềm nêu trên – Bản hướng dẫn của OECD 2011⁴³ và Tuyên bố của ILO năm 2017⁴⁴ - hiện đang được coi là những tiêu chuẩn mềm hàng đầu về RBC trên phạm vi quốc tế, cùng với Bản Các nguyên tắc của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Quyền con người (UNGP)⁴⁵ do Hội đồng nhân quyền thông qua vào năm 2011. Ở khoảng giữa của các tiêu chuẩn OECD/ILO và UNGP, Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc với 9 nguyên tắc về quyền con người, quyền lao động và môi trường được công bố năm 2000 (sau đó là 10 nguyên tắc - một nguyên tắc mới về chống tham nhũng được bổ sung vào năm 2003)⁴⁶.

Ngoài ra, đã từng có nỗ lực nhưng chưa thành công của Liên hợp quốc để thông qua các tiêu chuẩn Thực hành kinh doanh có trách nhiệm mang tính bắt buộc, bao gồm: dự thảo Bộ Quy tắc ứng xử đối với các Tập đoàn Đa quốc gia của Liên hợp quốc 1990 và Các chuẩn mực về Trách nhiệm của các Tập đoàn Đa quốc gia và Các Doanh nghiệp kinh doanh khác về Quyền con người của Liên hợp quốc 2003. Nỗ lực lần thứ ba để thông qua các tiêu chuẩn bắt buộc dựa trên Nghị quyết năm 2014 của Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc, theo đó: “thiết lập nhóm công tác liên chính phủ mở rộng về các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp kinh doanh khác về

⁴² Xem thêm Surya Deva, ‘The UN Guiding Principles on Business and Human Rights and Its Predecessors: Progress at a Snail’s Pace?’ in Ilias Bantekas and Michael Ashley Stein (eds.), *Cambridge Companion to Business and Human Rights Law* (Cambridge: Cambridge University Press, 2021) 145-173

⁴³ Xem <http://mneguidelines.oecd.org/guidelines/>

⁴⁴ Xem <https://www.ilo.org/empent/areas/mne-declaration/lang--en/index.htm>

⁴⁵ Xem https://www.ohchr.org/sites/default/files/documents/publications/guidingprinciplesbusinesshr_en.pdf

⁴⁶ Xem <https://www.unglobalcompact.org/>

quyền con người... để xây dựng công cụ pháp lý ràng buộc tầm quốc tế điều chỉnh, trong lĩnh vực pháp luật về quyền con người quốc tế, các hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp kinh doanh khác”⁴⁷. Đến nay, nhiều bản dự thảo của công cụ pháp lý ràng buộc (LBI) cũng đã được đưa ra – phiên bản mới nhất được công bố năm 2021⁴⁸ – và thảo luận tại các phiên họp thường niên tại Giơ-ne-vơ cho đến nay.

Mặc dù đến nay việc ban hành công cụ pháp lý ràng buộc (LBI) chưa gặt hái thành công, ngày càng có nhiều ý kiến nhất trí về sự cần thiết phải có một điều ước quốc tế về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm: trong những năm qua, các quốc gia đã chuyển từ việc tranh luận về sự cần thiết phải có một điều ước quốc tế sang tranh luận về hình thức, phạm vi và nội dung của điều ước quốc tế như vậy. Động lực mới trong việc thúc đẩy các quy định mang tính bắt buộc về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm chính là việc Ủy ban Châu Âu công bố dự thảo Chỉ thị về sự cẩn trọng (due diligence) của doanh nghiệp về phát triển bền vững vào tháng 2 năm 2022⁴⁹. Chỉ thị này được xây dựng dựa trên các đạo luật về sự cẩn trọng về quyền con người (HRDD) tại một số quốc gia châu Âu (Pháp, Đức, Na-Uy, Hà Lan và Thụy Sĩ)⁵⁰.

Cần lưu ý rằng các tiêu chuẩn Thực hành kinh doanh có trách nhiệm cũng đang góp phần định hình nội dung của nhiều hiệp định song phương và khu vực về đầu tư và thương mại quốc tế. Mục tiêu của các hiệp định này không còn là thúc đẩy thương mại mà là thương mại có trách nhiệm cũng không chỉ là quyền của các nhà đầu tư mà là trách nhiệm của nhà đầu tư đối với quyền con người. Nói cách khác, thương mại và đầu tư phải đóng góp vào các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong xây dựng và triển khai Chương trình hành động quốc gia nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Dựa trên khuyến nghị của Nhóm công tác của Liên hợp quốc về Kinh doanh có trách nhiệm⁵¹, Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh có trách nhiệm (NAP) đã trở thành công cụ chính sách quan trọng nhất để thực hiện UNGPs và các tiêu

⁴⁷ Xem <https://www.ohchr.org/en/hr-bodies/hrc/wg-trans-corp/igwg-on-tnc>

⁴⁸ Xem <https://www.ohchr.org/sites/default/files/LBI3rdDRAFT.pdf>

⁴⁹ Xem https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/ip_22_1145

⁵⁰ Xem <https://www.business-humanrights.org/en/big-issues/mandatory-due-diligence/national-regional-developments-on-mhrdd/>

⁵¹ Xem <https://www.ohchr.org/en/special-procedures/wg-business/national-action-plans-business-and-human-rights>

chuẩn khác về Hành vi kinh doanh có trách nhiệm. Từ khi UNGP được thông qua, đến nay, đã có khoảng 30 quốc gia đã xây dựng NAP, 18 quốc gia cũng đang trong quá trình xây dựng NAP và 10 quốc gia khác dự kiến xây dựng NAP⁵². Tại châu Á, một Kế hoạch hành động quốc gia riêng về Kinh doanh có trách nhiệm đã được Thái Lan, Pakistan, Nhật Bản ban hành, trong đó, Thái Lan là nước đầu tiên trong khu vực ASEAN công bố NAP vào tháng 10/2019.⁵³ Trong khi đó, Hàn Quốc đã xây dựng một chương riêng về kinh doanh có trách nhiệm trong Kế hoạch hành động quốc gia về quyền con người. Nhiều quốc gia châu Á khác như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia và Mông Cổ cũng đang trong quá trình xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh có trách nhiệm. Một số quốc gia cũng đã ban hành hướng dẫn mang tính chất không bắt buộc để thúc đẩy Hành vi kinh doanh có trách nhiệm như Bản hướng dẫn về Rà soát nhằm thúc đẩy các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm của Trung Quốc (2015), Bản hướng dẫn về quản trị vấn đề quyền con người đối với các doanh nghiệp nhà nước của Hàn Quốc (2018), Bản hướng dẫn về hành vi kinh doanh có trách nhiệm (2019) và Bản hướng dẫn về các chuỗi cung ứng có trách nhiệm (2022).

Trong phạm vi giới hạn, Đề án tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của Nhật Bản, Đức và Thái Lan đối với 03 nội dung chính, gồm: (i) Xây dựng NAP; (ii) Nội dung của NAP và (iii) Triển khai NAP.

2.1. Nhật Bản⁵⁴

2.1.1. Giới thiệu chung

Ngày 16 tháng 10 năm 2020, Chính phủ Nhật Bản công bố Chương trình hành động quốc gia lần thứ nhất về Kinh doanh và Quyền con người (NAP). Quá trình xây dựng NAP của Nhật Bản chính thức bắt đầu từ năm 2016 với sự tham gia thảo luận của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội nhằm đảm bảo năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Nhật Bản. NAP lần thứ nhất của Nhật Bản được thực hiện trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến 2025. Để phục vụ cho việc xây dựng NAP, Nhật Bản đã công bố đánh giá cơ sở vào tháng 12 năm 2018.

⁵² Xem <https://globalnaps.org/> và <https://www.ohchr.org/en/special-procedures/wg-business/national-action-plans-business-and-human-rights>

⁵³Nt.

⁵⁴Hiroki Matsui, "Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm: Kinh nghiệm từ Nhật Bản", tại Hội thảo "Kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm", Hà Nội, ngày 23-24 tháng 8 năm 2022 do Bộ Tư pháp và UNDP tổ chức; Trao đổi giữa Bộ Tư pháp với Đoàn công tác của ông NAKATANI Gen, Cố vấn đặc biệt của Thủ tướng Nhật Bản ngày 14/09/2022.

Việc xây dựng NAP tại Nhật Bản được thực hiện dựa trên nguyên tắc: (i) NAP cần đưa ra tầm nhìn của Chính phủ về việc bảo vệ và Quyền con người (QCN) và việc tôn trọng QCN của các doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tính nhất quán chính sách giữa các bộ và cơ quan; và (ii) NAP cần góp phần đảm bảo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và tính bền vững của các doanh nghiệp Nhật.

Vào tháng 10 năm 2020, Ủy ban liên Bộ trưởng về Kế hoạch Hành động Quốc gia về Kinh doanh và Quyền con người (BHR) của Nhật Bản đã khởi động NAP (2020-2025). Nhóm Công tác về BHR cũng đã được thành lập để tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận giữa các bên liên quan khác nhau. NAP được thiết kế dựa trên UNGPs (và cả các công cụ quốc tế có liên quan khác). Mục tiêu của việc xây dựng NAP bao gồm:

- Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người của xã hội, bao gồm cả cộng đồng quốc tế;
- Đảm bảo tính nhất quán của các chính sách về BHR
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và tính bền vững của các doanh nghiệp kinh doanh Nhật;
- Góp phần đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

NAP của Nhật Bản nhấn mạnh: (i) Nghĩa vụ Bảo vệ Quyền con người của Nhà nước; (ii) Thúc đẩy Trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc Tôn trọng Quyền con người và (iii) Tiếp cận Biện pháp Khắc phục. Chính phủ Nhật Bản mong muốn các doanh nghiệp Nhật Bản áp dụng quá trình Rà soát quyền con người (HRDD), tức là quá trình do các doanh nghiệp kinh doanh tiến hành trong hoạt động kinh doanh của họ để xác định, ngăn ngừa, giảm thiểu và giải trình cách họ giải quyết các tác động của họ đối với quyền con người.

2.1.2. Những nội dung chủ yếu của NAP Nhật Bản

a) Các nguyên tắc cơ bản bao gồm:

- Thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức về BHR giữa các bộ của Chính phủ và các tổ chức khác;
- Thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức về BHR giữa các doanh nghiệp kinh doanh;
- Thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức về Quyền con người trong xã hội;
- Xây dựng cơ chế cụ thể để thúc đẩy quyền con người trong doanh nghiệp;
- Thiết lập và cải tiến các thủ tục khắc phục.

b) NAP của Nhật Bản tập trung vào 6 lĩnh vực chủ yếu: Lao động (Thúc đẩy Công việc Tốt); Thúc đẩy và Bảo vệ Quyền Trẻ em; Những quyền con người gắn liền với sự phát triển của công nghệ mới; Quyền con người và vai trò của người tiêu dùng; Bình đẳng trước pháp luật (Người khuyết tật, Phụ nữ, Người có Định hướng Tình dục Đa dạng và Bản dạng Giới – LGBTIQ+, và Các Nhóm yếu thế khác); và Chấp nhận và Chung sống với Công dân Nước ngoài.

NAP đề ra các biện pháp của Chính phủ với tư cách là Chủ thể liên quan đến Nghĩa vụ của Nhà nước là Bảo vệ Quyền con người, bao gồm: Mua sắm công; Hợp tác Phát triển và Tài chính Phát triển; Thúc đẩy và Mở rộng Doanh nghiệp và quyền con người trong Cộng đồng Quốc tế; Giáo dục và Nâng cao Nhận thức về quyền con người.

NAP cũng đề ra các biện pháp của Chính phủ Thúc đẩy Trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc Tôn trọng Nhân quyền, bao gồm: Các biện pháp liên quan đến các chuỗi cung ứng trong nước và toàn cầu và thúc đẩy việc rà soát quyền con người dựa trên UNGPs và Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) về những vấn đề về Kinh doanh và quyền con người.

NAP đề ra các biện pháp liên quan đến Tiếp cận Biện pháp Khắc phục, bao gồm cả Biện pháp khắc phục tư pháp và phi tư pháp.

Bên cạnh các biện pháp của Chính phủ và các biện pháp khắc phục, NAP còn đề ra các biện pháp khác, bao gồm: Hỗ trợ phát triển hệ thống pháp luật ở các nước đang phát triển và Thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng chất lượng (Nguyên tắc G20 về Đầu tư Cơ sở hạ tầng Chất lượng).

c) Để thực hiện và đánh giá NAP, Chính phủ Nhật Bản đã thành lập “Ủy ban Liên Bộ về Thúc đẩy Chính sách Thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Kinh doanh và Quyền con người của Nhật Bản” bao gồm đại diện (cấp Trưởng Ban, Cục) của các Bộ có liên quan để theo dõi tiến độ thực hiện của NAP và “Hội nghị Bàn tròn về Thúc đẩy NAP về Kinh doanh và Quyền con người” bao gồm đại diện các Bộ có liên quan và các tổ chức kinh tế, xã hội, chuyên gia, các tổ chức có liên quan khác như một khuôn khổ để có đối thoại liên tục giữa các bên liên quan trong quá trình thúc đẩy NAP.

Chính phủ Nhật Bản cũng rất chú trọng tới việc thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm bằng cách công khai và phổ biến NAP giữa các tập đoàn và nâng cao nhận thức về trách nhiệm Rà soát quyền con người, bao gồm việc phổ biến NAP trong các chuỗi cung ứng, giữa các nhóm ngành và các cơ quan liên quan khác. Chính phủ cũng đã vận hành một trang thông tin điện tử về kinh doanh và quyền con người.

Đây được coi như một trung tâm kiến thức về kinh doanh và quyền con người, có video giới thiệu về NAP và có liên kết đến các trang web có liên quan như website của Liên hợp quốc (UN), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD). Chính phủ cũng đã xuất bản các tài liệu truyền thông để giới thiệu về UNGP và NAP. Bản in của các tài liệu này đã có mặt tại các cơ sở ngoại giao của Nhật Bản ở nước ngoài, Văn phòng Khu vực, Văn phòng Chính quyền địa phương và các thành phố.

Chính phủ đã xuất bản Tài liệu tóm tắt kết quả phỏng vấn về các sáng kiến của các công ty liên quan đến kinh doanh và quyền con người trong đó nêu ra ví dụ cụ thể việc thực hiện kinh doanh có trách nhiệm của 17 công ty được niêm yết (bao gồm 2 công ty nhỏ và vừa) được các hiệp hội ngành khuyến nghị.

Trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 9 đến ngày 14 tháng 10 năm 2021, Chính phủ Nhật Bản cũng đã thực hiện khảo sát thông qua bảng câu hỏi về tình trạng nỗ lực về quyền con người trong chuỗi cung ứng của các công ty Nhật Bản. Đây là cuộc khảo sát đầu tiên của chính phủ về tình trạng nỗ lực hoạt động kinh doanh và quyền con người của các công ty Nhật Bản do Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp và Bộ Ngoại giao phối hợp thực hiện. Vào tháng 10 năm 2020, để xem xét “Các Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người” do Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua năm 2011, Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra NAP. NAP bày tỏ kỳ vọng của chính phủ đối với các công ty Nhật Bản trong việc thực hiện trách nhiệm Rà soát quyền con người bất kể quy mô và lĩnh vực công nghiệp của họ. Cuộc khảo sát này được thực hiện như một phần của quá trình theo dõi NAP để xác định tình trạng các nỗ lực của công ty. Đối tượng khảo sát bao gồm các công ty được niêm yết trên phần đầu tiên và phần thứ hai của Sở giao dịch chứng khoán Tokyo... kể từ tháng 8 năm 2021. Trong số 2.786 công ty được mời tham gia, 760 công ty đã trả lời cuộc khảo sát này.

Kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp đề nghị Chính phủ có “Hướng dẫn về các biện pháp tự nguyện” bao gồm cả hướng dẫn cho từng ngành và liên ngành. Vì vậy, hiện nay, Chính phủ đã khởi động một dự án để xây dựng bản “Hướng dẫn về tôn trọng Quyền con người trong Chuỗi cung ứng có Trách nhiệm” và Hướng dẫn này đã được ban hành ngày 15/9/2022. Cụ thể:

- Mục đích và đối tượng: Giúp các doanh nghiệp hiểu sâu hơn và thúc đẩy nỗ lực của họ bằng cách giải thích các hoạt động mà họ được yêu cầu thực hiện để tôn trọng quyền con người.

- Nội dung chủ yếu của bản Hướng dẫn bao gồm: Tổng quan về nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền con người; Chính sách quyền con người; Rà soát quyền con người và Biện pháp khắc phục.

d) Chính phủ Nhật Bản hiện cũng đang tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế về BHR, như Dự án hợp tác với UNDP về Thúc đẩy Kinh doanh Có trách nhiệm ở các quốc gia mục tiêu nơi các công ty Nhật Bản hoạt động, đặc biệt tập trung vào việc thúc đẩy Rà soát Quyền con người trong chuỗi cung ứng toàn cầu và tận dụng UNGP vì sự phục hồi công bằng hậu Covid-19. Dự án được thực hiện trong thời gian từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023. Mục tiêu của Dự án bao gồm: (i) hướng dẫn các công ty thực hiện Rà soát quyền con người (HRDD) để đánh giá, ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực, trong đó UNDP sẽ hỗ trợ các công ty Nhật Bản và các nhà cung cấp của họ trong việc quản lý các rủi ro về quyền con người có thể liên quan đến hoạt động của họ; và (ii) giúp 17 quốc gia mục tiêu phát triển các chính sách để giải quyết các vấn đề vi phạm QCN liên quan đến kinh doanh, trong đó, UNDP sẽ làm việc với các chính phủ để tạo ra một môi trường kinh doanh bình đẳng thúc đẩy nhiều công ty áp dụng các phương thức kinh doanh có trách nhiệm.

2.2. Đức⁵⁵

2.2.1. Giới thiệu chung

Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của Đức (NAP) lần thứ nhất được Nội các Liên bang thông qua vào tháng 12 năm 2016, có giá trị đến năm 2020. Hiện nay, Chính phủ Đức đang trong quá trình xây dựng để xây dựng và ban hành NAP lần thứ hai.

Mục đích của việc xây dựng và thực hiện Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của Đức là nhằm thực hiện UNGP với ba trụ cột chính: nghĩa vụ bảo vệ quyền con người của nhà nước; trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp; tiếp cận khắc phục dành cho những người bị ảnh hưởng bởi vi phạm quyền con người. Lý do Đức xây dựng và thực hiện NAP là:

- Tăng cường quyền con người, dựa trên các giá trị và nghĩa vụ cơ bản (được ghi nhận trong Hiến pháp, các hiệp ước châu Âu, và quốc tế);

⁵⁵Marie-Laura Schmitt, “*Kinh nghiệm của Đức và Liên minh Châu Âu (EU): Chương trình Hành động Quốc gia và Luật Rà soát Doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng và Đề xuất của EU về Chỉ thị Rà soát Tính bền vững của Doanh nghiệp (CSDDD)*”, tại Hội thảo “*Kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm*”, Hà Nội, ngày 23-24 tháng 8 năm 2022 do Bộ Tư pháp và UNDP tổ chức.

- Đáp ứng kỳ vọng ngày càng tăng của các nhà đầu tư, nhân viên, khách hàng và người tiêu dùng;
- Làm rõ các tiêu chuẩn và cung cấp một khuôn khổ hành động đáng tin cậy cho doanh nghiệp;
- Cho phép doanh nghiệp kiểm tra rủi ro của mình và ngăn ngừa thiệt hại đắt đỏ;
- Giúp hình thành toàn cầu hóa công bằng hơn.

Việc xây dựng NAP của Đức được thực hiện trong 2 năm (2014-2016), do Văn phòng Đối ngoại Liên bang dẫn đầu và được hỗ trợ bởi Ủy ban Chỉ đạo, bao gồm đại diện các cơ quan nhà nước, Hiệp hội doanh nghiệp, Tổ chức công đoàn, Tổ chức phi chính phủ, Thiết chế Quyền con người Quốc gia và Sáng kiến kinh doanh bền vững.

NAP được xây dựng dựa trên phương pháp tiếp cận toàn diện với nhiều bên liên quan (thông qua 12 phiên điều trần chuyên đề, 3 hội nghị toàn thể) và Đánh giá cơ sở Quốc gia (NBA) do Viện Quyền con người Quốc gia (Viện Quyền con người Đức) xây dựng.

NAP của Đức không tạo ra tiêu chuẩn mới về quyền con người mà dựa trên các điều ước quốc tế và thỏa thuận đa phương hiện có, bao gồm: Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người; Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa; Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị; Các tiêu chuẩn lao động cốt lõi của ILO (bao gồm: tự do hiệp hội, quyền thương lượng tập thể, xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức và bắt buộc, xóa bỏ lao động trẻ em một cách hiệu quả, xóa bỏ phân biệt đối xử)...

2.2.2. Nội dung chủ yếu của NAP của Đức

a) NAP của Đức được xây dựng dựa trên 03 trụ cột, gồm:

(i) Trụ cột thứ nhất: Nghĩa vụ bảo vệ quyền con người của nhà nước, theo đó, có khoảng 50 biện pháp được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước khác nhau trong nhiều lĩnh vực chính sách, bao gồm: tăng cường tính bền vững và các khía cạnh quyền con người trong chính sách thương mại, chống buôn người và bóc lột lao động.

(ii) Trụ cột thứ 2: Trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp – theo đó, Chính phủ Liên bang mong muốn tất cả các doanh nghiệp giới thiệu quy trình rà soát doanh nghiệp theo cách tương xứng với quy mô, lĩnh vực mà họ hoạt động và vị trí của họ trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị.⁵⁶

⁵⁶ NAP của Đức, tr. 7.

(iii) Trụ cột thứ 3: Tiếp cận khắc phục dành cho những người bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm quyền con người, bao gồm: Các biện pháp dân sự được áp dụng cho bất kỳ ai cho rằng quyền của mình đã bị xâm phạm bởi hành động của một doanh nghiệp Đức; và Các biện pháp nhằm củng cố Trung tâm Liên lạc Quốc gia về các Nguyên tắc của OECD như một cơ chế khiếu nại ngoài tư pháp hiệu quả.

b) Việc quản lý thực hiện NAP được thực hiện thông qua Ủy ban liên bộ (IMC) về Kinh doanh và Quyền con người" và Nhóm làm việc đa bên liên quan về Kinh doanh và Quyền con người. Ủy ban liên bộ về Kinh doanh và Quyền con người họp 02 tháng/lần do Văn phòng Đối ngoại Liên bang chủ trì, có sự tham gia của mười bộ liên bang phản ánh cách tiếp cận toàn chính phủ và theo dõi việc thực hiện NAP, thúc đẩy quá trình NAP, và đảm bảo tính nhất quán của chính phủ. Nhóm làm việc đa bên liên quan về Kinh doanh và Quyền con người họp trong các tháng mà Ủy ban liên bộ không họp, do Viện quyền con người quốc gia chủ trì, có sự tham gia của khoảng 50 thành viên nhóm, bao gồm đại diện các hiệp hội doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, công đoàn, các bộ nhà nước, và các sáng kiến đa bên liên quan (theo ngành), Nhóm đồng hành và nhận xét về hành động của chính phủ liên quan đến NAP.

Chính phủ Đức cũng đã đưa ra các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện NAP, bao gồm:

Thứ nhất, các nền tảng Thông tin và Tư vấn, như:

- Trang web thống nhất của chính phủ về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp – (www.csr-in-deutschland.de)

- Ở Đức: “NAP Help-desk” – là một trung tâm hỗ trợ tổng hợp cho doanh nghiệp, do Cơ quan Phát triển Kinh tế và Kinh doanh (BMZ) cung cấp (www.wirtschaft-entwicklung.de)

- Ở nước ngoài: “Mạng lưới NAP” của các đại sứ quán, phòng thương mại...

- Các bài thuyết trình NAP cho các công ty, giải thưởng Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tổng hợp các thực hành tốt.

Thứ hai, các Chương trình tập huấn: Chính phủ tài trợ các hoạt động giáo dục của các tổ chức xã hội, ở Đức và ở nước ngoài, ví dụ như Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu (Global Compact Network), Trung tâm thông tin về Kinh doanh và Quyền con người.

Thứ ba, hỗ trợ cho các cuộc đối thoại theo ngành về thực hiện NAP : việc hỗ trợ dựa trên nghiên cứu của chính phủ về các lĩnh vực và khu vực có rủi ro cao về vi

phạm quyền con người, các cuộc đối thoại được tổ chức nhằm đưa ra hướng dẫn cụ thể cho từng ngành. Năm 2020, cuộc đối thoại đầu tiên đã được tổ chức trong ngành công nghiệp ô tô.

Thứ tư, thúc đẩy các sáng kiến đa bên liên quan của Nhà nước (như: chỉ ra các rủi ro cụ thể theo ngành; làm rõ các yêu cầu Rà soát quyền con người (HRDD) một cách cụ thể của ngành; tăng cường đôn bẫy chung cho các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến quyền con người; tổng hợp các thủ tục khiếu nại ở cấp hiệp hội/ngành; và hợp tác với các sáng kiến ngành của các quốc gia khác).

Chính phủ Đức cũng đã thực hiện việc giám sát về việc Rà soát quyền con người (HRDD) của doanh nghiệp. Từ năm 2018 đến năm 2020, Chính phủ thực hiện đánh giá hàng năm về tình hình thực hiện các yếu tố cốt lõi của việc Rà soát QCN của doanh nghiệp. Việc đánh giá Rà soát quyền con người được áp dụng cho các doanh nghiệp có hơn 500 nhân viên hoạt động tại Đức (khoảng 6.300), được lấy trên cơ sở mẫu đại diện với mục tiêu ít nhất 50% trong số các doanh nghiệp này đã lồng ghép HRDD vào các quy trình kinh doanh vào năm 2020.

Bên cạnh đó, tháng 6 năm 2021, Đức đã ban hành Đạo luật Rà soát của Doanh nghiệp trong các chuỗi cung ứng,⁵⁷ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/2023. Việc xây dựng và ban hành đạo luật này dựa trên cam kết của Đức đối với Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững. Luật này đưa ra các quy định mới nhằm đảm bảo các doanh nghiệp tiến hành kinh doanh tại Đức đáp ứng các tiêu chuẩn tại UNGP và Hướng dẫn của OECD đối với các Doanh nghiệp đa quốc gia. Đạo luật áp dụng đối với các doanh nghiệp có trụ sở, địa điểm kinh doanh chính, hoặc chi nhánh trên lãnh thổ Đức và đưa ra quy định bắt buộc tuân thủ các tiêu chuẩn về quyền con người và môi trường cũng như quy định về nghĩa vụ Rà soát Quyền con người và Môi trường cho các công ty trong chuỗi cung ứng. Cụ thể, từ năm 2023, đạo luật có hiệu lực thi hành đối với các công ty tại Đức có trên 3.000 người lao động hoặc chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Đức có trên 3.000 người lao động (ước tính hiện có khoảng 600 công ty). Từ năm 2024, đạo luật có hiệu lực thi hành đối với các công ty tại Đức có trên 1.000 người lao động hoặc chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài tại Đức có trên 1.000 người lao động (ước tính hiện có khoảng 2.800 công ty). Theo luật này, các công ty có nghĩa vụ giám sát và hành động để xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh của mình cũng như hoạt động kinh doanh của các nhà cung cấp trực tiếp trên phạm vi toàn cầu bắt đầu từ khâu khai thác nguyên liệu thô

⁵⁷ Act on Corporate Due Diligence in Supply Chains.

cho đến khâu giao cho khách hàng cuối cùng. Ngoài ra, nếu các công ty biết được về khả năng vi phạm quyền con người hoặc các tiêu chuẩn môi trường của các nhà cung cấp gián tiếp của mình, công ty phải thực hiện đánh giá rủi ro đối với các vi phạm này.

Cụ thể, Đạo luật đưa ra một danh mục 9 nghĩa vụ bắt buộc đối với các doanh nghiệp bao gồm: (i) nghĩa vụ thiết lập hệ thống quản lý rủi ro để xác định vi phạm quyền con người nghiêm trọng và các rủi ro môi trường nhất định trong chuỗi cung ứng; (ii) xác định trách nhiệm tuân thủ nội bộ (công ty có trách nhiệm bổ nhiệm nhân viên chuyên trách về quyền con người chịu trách nhiệm giám sát quá trình quản lý rủi ro trong chuỗi cung ứng); (iii) thực hiện phân tích liên tục (thường xuyên hoặc ít nhất một năm/lần); (iv) ban hành tuyên bố chính sách về quyền con người trong đó tuyên bố rõ các bước mà công ty thực hiện để tuân thủ các nghĩa vụ theo Đạo luật Rà soát của Doanh nghiệp trong các chuỗi cung ứng, mô tả các ưu tiên của công ty liên quan đến rủi ro về môi trường và quyền con người, và kỳ vọng của công ty đối với người lao động và nhà cung cấp; (v) thiết lập các biện pháp phòng ngừa và khắc phục cần thiết đối với các hành vi vi phạm tại doanh nghiệp hoặc nhà cung cấp như các biện pháp liên quan đến quá trình mua hàng, tập huấn, các biện pháp kiểm soát tuân thủ tuyên bố chính sách của công ty; (vi) thực hiện các biện pháp khắc phục để ngăn chặn hoặc giảm thiểu vi phạm (bao gồm cả việc tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh với nhà cung cấp trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng quyền con người); (vii) thiết lập và công bố công khai thủ tục giải quyết khiếu nại cho phép báo cáo, cung cấp thông tin về các vi phạm quyền con người và môi trường trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc nhà cung cấp trực tiếp của doanh nghiệp; (viii) thực hiện nghĩa vụ rà soát rủi ro đối với các nhà cung cấp gián tiếp; (ix) nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ và báo cáo hàng năm (báo cáo này phải được công bố công khai miễn phí trên website của công ty chậm nhất 4 tháng sau khi kết thúc năm tài chính).

Đạo luật cũng đưa ra các chế tài để xử lý các hành vi vi phạm. Các doanh nghiệp vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, đồng thời cũng sẽ bị loại trừ khỏi việc trao hợp đồng mua sắm công.

Thẩm quyền giám sát việc thực thi đạo luật được giao cho Văn phòng Liên bang về Kinh tế và Kiểm soát Xuất khẩu.⁵⁸ Cơ quan này có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ đạo luật, kiểm tra và phân tích các báo cáo của doanh nghiệp, và có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp thực hiện các hành động cụ thể và yêu cầu cung cấp các thông tin và tài liệu.

⁵⁸Federal Office for Economic Affairs and Export Control

Hiện nay, Chính phủ Đức đang trong quá trình xây dựng và ban hành NAP cho giai đoạn tiếp theo. NAP sẽ được xây dựng dựa trên Đánh giá Cơ sở Quốc gia (NBA) do Viện Quyền con người Đức chuẩn bị. Việc xây dựng và ban hành NAP lần này cũng có sự tham gia của đại diện doanh nghiệp, công đoàn, các tổ chức xã hội và Viện Quyền con người Đức.

2.3. Thái Lan⁵⁹

2.3.1. Giới thiệu chung

Trong lần Báo cáo cơ chế Rà soát Định kỳ Phổ quát về quyền con người (Universal Periodic Review) lần thứ hai vào tháng 5/2016, Chính phủ Thái Lan đã nhận được khuyến nghị về việc xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người, Chính phủ Thái Lan đã nhất trí với khuyến nghị này.

Vụ Bảo vệ các quyền và tự do của Bộ Tư pháp Thái Lan là cơ quan được giao chủ trì và chịu trách nhiệm về Chương trình hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người (NAP). Ủy ban quốc gia về NAP, do Vụ trưởng Vụ Bảo vệ các quyền và tự do của Bộ Tư pháp là Chủ tịch và bao gồm đại diện các bộ, ngành khác thuộc Chính phủ cũng như Ủy ban quốc gia về quyền con người của Thái Lan, được giao nhiệm vụ xây dựng và giám sát việc thực hiện NAP.

Để xây dựng NAP, Bộ Tư pháp Thái Lan đã thực hiện rất nhiều hoạt động, như:

(i) Ở cấp độ quốc gia:

- Thành lập Ủy ban quốc gia về NAP vào tháng 11/2016.
- Tổ chức Hội nghị đối thoại quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm tháng 12/2016.
- Tổ chức các hội thảo tham vấn tại các địa phương để tìm hiểu rõ hơn về bối cảnh kinh tế - xã hội tại 4 địa phương của Thái Lan từ tháng 1 đến tháng 3/2017.
- Thủ tướng Prayut Chan-o-cha chính thức công bố Chính sách của Chính phủ Thái Lan về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm và tái khẳng định cam kết của Thái Lan về việc thực hiện UNGP thông qua NAP. Thủ tướng Thái Lan cũng đã chủ trì Lễ ký “Thỏa thuận hợp tác thực hiện UNGPs tại Thái Lan” do Ủy ban Quốc gia về Quyền con người, các Bộ: Tư pháp, Ngoại giao và Thương mại, Hiệp hội Công

⁵⁹Xem thông tin tại <https://www.undp.org/thailand/publications/thailands-1st-national-action-plan-business-and-human-rights>

ng nghiệp Thái Lan, Hiệp hội Ngân hàng Thái Lan, Phòng Thương mại Thái Lan và Mạng lưới Tin học Toàn cầu Thái Lan vào ngày 31/5/2017.

(ii) Ở cấp độ khu vực, Chính phủ Thái Lan đã tổ chức Cuộc họp Chuyên gia của ASEAN để trao đổi kiến thức trong việc xây dựng NAP.

(iii) cấp độ quốc tế, Chính phủ Thái Lan đã đồng tổ chức cuộc họp bên lề Diễn đàn lần thứ 6 của Liên hợp quốc về Kinh doanh và Quyền con người vào năm 2017 tại Geneva, Thụy Sĩ, nhằm thúc đẩy việc thực hiện UNGPs.

Trong quá trình xây dựng NAP, Bộ Tư pháp Thái Lan đã liên tục tổ chức tham vấn với các tổ chức xã hội để lấy ý kiến góp ý.

Đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm (NBA): từ tháng 9/2017, các chuyên gia trong Mạng lưới Kinh doanh và Quyền con người Thái Lan (Thai Business & Human Rights Network) đã bắt đầu xây dựng Báo cáo Đánh giá cơ sở quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Báo cáo này được Bộ Tư pháp Thái Lan sử dụng như một căn cứ để xây dựng NAP. NBA được thực hiện dựa trên việc tổ chức đối thoại tại 4 khu vực của Thái Lan trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3/2017. Các buổi tập huấn nâng cao nhận thức về UNGPs cũng được tổ chức trong tháng 5 và 6/2017. Các hoạt động này có sự tham gia cộng đồng người dân tộc thiểu số, những người bảo vệ môi trường và nhân quyền, lao động di cư, người lao động chính thức và phi chính thức, cộng đồng LGBTI, người nhiễm HIV/AIDS, người hành nghề mại dâm, người khuyết tật và người cao tuổi.

Bộ Tư pháp (Vụ Bảo vệ các quyền và tự do) tuyển chọn các chuyên gia độc lập, khách quan để đánh giá kết quả thực hiện NAP. Có 2 giai đoạn đánh giá: giai đoạn 1 kéo dài 2 năm (2019– 2020) và giai đoạn 2 (2021–2022). Kết quả đánh giá bao gồm tiến độ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong NAP, và đưa ra các đề xuất để Chính phủ xem xét cũng như nâng cao nhận thức của công chúng. Như vậy, kết quả đánh giá việc thực hiện NAP, bao gồm các thông tin, đề xuất và kiến nghị từ các ngành, lĩnh vực khác nhau, sẽ được phục vụ cho việc sửa đổi NAP nhằm ngăn ngừa và xử lý các hành vi xâm phạm quyền con người trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và đảm bảo NAP phù hợp với bối cảnh thực tiễn của quốc gia.

Quá trình xây dựng NAP của Thái Lan phù hợp với Bản Hướng dẫn về Chương trình hành động quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm (Guidance on National Action Plans on Business and Human Rights) do Nhóm Công tác của Liên hợp quốc về các

vấn đề về quyền con người và các tập đoàn đa quốc gia và các doanh nghiệp khác⁶⁰ ban hành để hướng dẫn các quốc gia xây dựng NAP. NAP của Thái Lan chịu sự giám sát của Ủy ban quốc gia về NAP, Ủy ban này chịu trách nhiệm chỉ đạo, soạn thảo, giám sát và đánh giá việc thực hiện NAP.

Quá trình xây dựng NAP của Thái Lan được chia thành 3 giai đoạn:

(i) Giai đoạn 1 (2016–2017): khảo sát, thu thập thông tin về thực trạng kinh doanh có trách nhiệm tại các địa phương. Bộ Tư pháp (Vụ Bảo vệ các quyền và tự do) cùng với các đối tác khác như đại diện Thái Lan tại Ủy ban Liên Chính phủ về Quyền con người ASEAN⁶¹, các thành viên của Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu⁶² Thái Lan và các tổ chức xã hội – đã thực hiện các Hội thảo tham vấn tại nhiều địa phương để thu thập dữ liệu về thực trạng kinh doanh có trách nhiệm tại các địa phương, bao gồm các dữ liệu về thực trạng, các vấn đề phát sinh, những vướng mắc, bất cập. Mục tiêu là tìm hiểu thực trạng và đây cũng chính là cơ sở để xây dựng NAP.

(ii) Giai đoạn 2 (2017–2018): xây dựng và tham vấn về NAP (vòng thứ nhất). Bộ Tư pháp đã phối hợp với Đại học Thammasat xây dựng Dự thảo 0 của NAP, Dự thảo này sau đó đã được đưa ra tham vấn xin ý kiến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau tại 5 vùng của Thái Lan. Nội dung NAP được công bố công khai trên trang thông tin điện tử lần đầu từ 27 tháng 6 đến 31 tháng 7 năm 2018 nhằm tạo cơ hội cho công chúng được tham gia góp ý, đồng thời các đề xuất, kiến nghị còn có thể được gửi qua đường bưu điện. Chính phủ Thái Lan cũng đã mời Nhóm công tác của Liên hợp quốc về Kinh doanh có trách nhiệm tới công tác tại Thái Lan để góp ý, bình luận và đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm tại Thái Lan cũng như việc xây dựng NAP. NAP của Thái Lan được xây dựng phù hợp với UNGPs và phù hợp với bối cảnh của Thái Lan. Những góp ý, đề xuất, kiến nghị từ các ngành có liên quan đã góp phần tiếp tục hoàn thiện NAP của Thái Lan.

(iii) Giai đoạn 3 (2018–2019): tham vấn và đối thoại về NAP (vòng thứ hai) và chỉnh lý lần cuối dự thảo NAP. Bộ Tư pháp đã phối hợp với UNDP tổ chức một chuỗi các cuộc họp với các tổ chức, cá nhân có liên quan bao gồm các tổ chức quốc tế, cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp nhà nước và khu vực doanh nghiệp để thu thập ý kiến góp ý đối với dự thảo NAP. Dự thảo NAP sau đó đã được

⁶⁰UN Working Group on the issues of human rights and transnational corporations and other business enterprises

⁶¹ASEAN Intergovernmental Commission on Human Rights (AICHR)

⁶²Global Compact Network

công bố công khai trên trang thông tin điện tử lần thứ hai từ 15 tháng 2 đến 15 tháng 3 năm 2019 để xin ý kiến, sau đó, NAP tiếp tục được chỉnh lý trước khi trình Chính phủ.

Ngày 29/10/2019, Chính phủ đã chính thức thông qua NAP của Thái Lan trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp. Thái Lan trở thành nước đầu tiên tại khu vực châu Á có NAP riêng về Kinh doanh có trách nhiệm; qua đó giúp thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm, việc tôn trọng quyền con người, ngăn ngừa các hành vi vi phạm quyền con người đối với cộng đồng tại các khu vực nơi doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh, và đảm bảo một cách vững chắc việc bảo vệ quyền con người theo đúng các chuẩn mực quốc tế.

2.3.2. Nội dung của NAP của Thái Lan

4 lĩnh vực ưu tiên trong NAP bao gồm: Lao động; Đất đai, môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Những người bảo vệ nhân quyền, và Đầu tư xuyên biên giới và doanh nghiệp đa quốc gia. NAP gồm 4 Chương

- Chương 1: Lời nói đầu cung cấp thông tin về bối cảnh và các nội dung cơ bản của UNGPs, kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng NAP và quá trình xây dựng NAP tại Thái Lan.

- Chương 2: Thông tin chi tiết về quá trình xây dựng NAP tại Thái Lan, những lĩnh vực ưu tiên, mối quan hệ giữa NAP và các kế hoạch, chiến lược quốc gia khác. Các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và thời hạn thực hiện cũng nằm trong Chương này.

- Chương 3: Những nội dung chủ yếu của NAP bao gồm: (i) Kế hoạch hành động trong lĩnh vực lao động; (ii) Kế hoạch hành động trong lĩnh vực Cộng đồng, Đất đai, Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường; (iii) Kế hoạch hành động hướng đến những người bảo vệ quyền con người; và (iv) Kế hoạch hành động trong lĩnh vực Đầu tư xuyên biên giới và Doanh nghiệp đa quốc gia. Nội dung của mỗi kế hoạch hành động bao gồm bối cảnh chung, thách thức, các hành động cần thực hiện, cơ quan chủ trì, thời hạn thực hiện, các chỉ số, và mối quan hệ giữa kế hoạch hành động quốc gia và các chiến lược quốc gia, các mục tiêu phát triển bền vững, và UNGPs.

- Chương 4: Tổ chức thực hiện kế hoạch, bao gồm việc thực hiện, chỉ đạo, giám sát và đánh giá trong ngắn hạn và dài hạn; các cơ chế giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch hành động; đánh giá các kết quả; và việc định hướng chỉ đạo kế hoạch hành động.

Ví dụ về các hoạt động ngắn hạn (2019–2020)

TT	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Thời hạn
1	Lễ phát động NAP	Bộ Tư pháp	2019
2	Xây dựng các tài liệu truyền thông để tuyên truyền về NAP và UNGPs	Bộ Tư pháp	2019-2020
3	Thúc đẩy việc thực hiện NAP và UNGPs tại các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhà nước để tiên phong đi đầu cho các doanh nghiệp khác	Bộ Tư pháp	2019-2020
4	Lựa chọn mô hình thí điểm từ các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhà nước để làm mẫu cho việc thực hiện NAP và UNGPs	Bộ Tư pháp	2019-2020
5	Soạn thảo bản Hướng dẫn thực hiện NAP và UNGPs	Bộ Tư pháp	2019-2020

Ví dụ về các hoạt động dài hạn (4 năm)

TT	Hoạt động	Cơ quan chủ trì	Thời hạn
1	Phổ biến NAP và UNGPs thông qua các kênh truyền thông khác nhau	Tất cả các cơ quan có liên quan theo NAP	2019-2022
2	Tổ chức Hội nghị thường niên ASEAN để tuyên truyền, phổ biến NAP và UNGPs trong các ngành, lĩnh vực khác nhau	Bộ Tư pháp	2019-2022
3	Trao đổi kinh nghiệm về việc xây dựng và thực hiện NAP giữa các quốc gia trong khu vực ASEAN	Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao	2019-2022
4	Xây dựng Chương trình tập huấn để phổ biến kiến thức về kinh doanh có trách nhiệm trong đó có các nội dung về NAP và UNGPs	Bộ Tư pháp	2019-2022
5	Thực hiện các Chương trình tập huấn để phổ biến kiến thức về kinh doanh có trách nhiệm cho các ngành, lĩnh vực khác nhau	Bộ Tư pháp	2019-2022
6	Xây dựng các tài liệu trực tuyến về kinh doanh có trách nhiệm trong đó có các nội dung về NAP và UNGPs	Bộ Tư pháp	2019-2022
7	Phát triển các ứng dụng để tiếp nhận các khiếu nại về các vụ việc liên quan đến kinh doanh có trách nhiệm	Bộ Tư pháp	2019-2022

	nhiệm, bao gồm việc phối hợp với các cơ quan có liên quan		
8	Thúc đẩy việc thực hiện NAP và UNGPs của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)	Bộ Tư pháp	2019-2022
9	Thực hiện tham vấn với các cơ quan có liên quan khác về các mục tiêu chưa đạt được theo NAP và thúc đẩy việc thực hiện NAP trong các cơ quan	Bộ Tư pháp	2019-2022
10	Thực hiện nghiên cứu về các biện pháp khuyến khích doanh nghiệp như ưu đãi thuế và các biện pháp khuyến khích, ưu đãi khác nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, thực hiện UNGPs và NAP	Bộ Tư pháp	2019-2022
11	Xem xét việc thực hiện các biện pháp để giao các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, thực hiện báo cáo về việc rà soát quyền con người (HRDD)	Bộ Tư pháp	2019-2022

Các chỉ số đánh giá NAP bao gồm cả chỉ số định tính và định lượng. Mỗi chỉ số phải phù hợp với từng hoạt động khác nhau, dựa trên kết quả xem xét của cơ quan chủ trì thực hiện hoạt động, phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính khả thi. Các chỉ số này được sử dụng để giám sát và đánh giá kết quả thực hiện NAP.

Việc thực hiện NAP sẽ do các cơ quan được chỉ định đối với từng hoạt động trong NAP. Việc giám sát và đánh giá kết quả thực hiện NAP do Tiểu ban Thúc đẩy các hoạt động nhân quyền tại Thái Lan, Tiểu ban này trực thuộc Ủy ban Quốc gia Thúc đẩy các hoạt động nhân quyền tại Thái Lan. Tiểu ban bao gồm Vụ trưởng Vụ Bảo vệ các quyền và tự do của Bộ Tư pháp là Chủ tịch và các thành viên bao gồm đại diện các tổ chức có liên quan trong đó có đại diện các bộ, ngành chịu trách nhiệm thực hiện NAP.

NAP lần thứ nhất được thực hiện đến hết năm 2022. Hiện nay, Bộ Tư pháp Thái Lan đang xây dựng Chương trình hành động quốc gia về kinh doanh có trách nhiệm lần thứ hai để thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

3. Một số nhận xét và kinh nghiệm tham khảo đối với Việt Nam

- Kinh doanh có trách nhiệm là tất yếu: mặc dù các thuật ngữ có thể thay đổi và tiếp tục phát triển trong tương lai, kinh doanh có trách nhiệm với tư cách là một mục tiêu chính sách là một xu thế không thể đảo ngược chứ không chỉ là hiện tượng nhất thời.

- Gia tăng sự hài hòa giữa các tiêu chuẩn về hành vi kinh doanh có trách nhiệm: các tiêu chuẩn về hành vi kinh doanh có trách nhiệm – cả tiêu chuẩn cứng và tiêu chuẩn mềm – tại nhiều cấp độ khác nhau ngày càng trở nên hài hòa với các nguyên tắc của UNGPs.

- Xu hướng luật hóa các tiêu chuẩn mềm về hành vi kinh doanh có trách nhiệm: mặc dù các tiêu chuẩn mềm về hành vi kinh doanh có trách nhiệm sẽ vẫn tiếp tục tồn tại, hiện nay đang có một xu hướng rõ rệt về việc biến các tiêu chuẩn này thành các quy định bắt buộc tại cả cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Các lý do (kinh tế và phi kinh tế) thuyết phục về sự cần thiết của kinh doanh có trách nhiệm: có nhiều lý do để các quốc gia thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm, trong đó có cả lý do về chuẩn mực đạo đức (việc bảo vệ nhân phẩm con người là nền tảng của quyền con người) và lý do về mặt kinh tế để các quốc gia thúc đẩy và các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

- Sự dẫn dắt của Nhà nước đóng vai trò quan trọng nhất đối với việc thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm một cách thành công: nếu Nhà nước không hành động (đơn phương hoặc tập thể) và đưa ra các biện pháp khuyến khích cũng như chế tài đối với các doanh nghiệp, những nỗ lực thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm sẽ không thành công. Các quốc gia cũng đóng vai trò chủ chốt trong việc cân bằng quyền lực giữa các doanh nghiệp và những người bị ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Việc nâng cao nhận thức của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm nói chung và thực hiện NAP nói riêng.

- Việc xây dựng và thực hiện NAP cần có sự phối hợp chặt chẽ và trên cơ sở tăng cường đối thoại giữa các bộ, ngành và các doanh nghiệp, hiệp hội, các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội có liên quan; đồng thời, cần có một cơ quan điều phối chung đóng vai trò kết nối giữa các bộ, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện NAP.

- Để đảm bảo hiệu quả và tính khả thi, NAP chỉ nên tập trung vào một số lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với bối cảnh thực tiễn của từng quốc gia.

- Bên cạnh việc đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp đối với Nhà nước và doanh nghiệp trong việc thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các biện pháp khắc phục đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa các hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm.

PHẦN 2. THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM

I. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM⁶³

Phần này của Đề án có mục tiêu chính là rà soát, phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo 5 lĩnh vực ưu tiên: (i) Đầu tư chọn lọc; (ii) Lao động; (iii) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương; (iv) Bảo vệ môi trường; (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (cũng như các biện pháp khắc phục liên quan).⁶⁴

1. Pháp luật về đầu tư

1.1. Luật Đầu tư quy định danh sách các lĩnh vực bị cấm đầu tư trong và ngoài nước.⁶⁵ Luật Đầu tư cũng quy định một số lĩnh vực đầu tư có điều kiện “vì lý do quốc phòng và an ninh, trật tự và an ninh xã hội, đạo đức xã hội hoặc sức khỏe cộng đồng.”⁶⁶ Về chấp thuận chủ trương đầu tư, theo Luật Đầu tư, một số hoạt động đầu tư nhất định phải qua các cấp phê duyệt khác nhau.

1.2. Về trách nhiệm của nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài cũng như các bên do nhà đầu tư nước ngoài nắm phần lớn vốn sở hữu cần phải xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các nhà đầu tư trong nước không bắt buộc phải nộp đơn xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mọi đề xuất đầu tư phải có “đánh giá tác động kinh tế xã hội của dự án,” nhu cầu sử dụng đất và nhu cầu lao động dự kiến của dự án.⁶⁷ Ngoài ra, đối với các dự án được Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, các nhà đầu tư phải trình kế hoạch giải phóng mặt bằng và di dời đất đai, cũng như “đánh giá sơ bộ tác

⁶³ Xem thêm: *Báo cáo Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về Thực hành kinh doanh có trách nhiệm* (của UNDP và Bộ Tư pháp xây dựng với sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển), Hà Nội, tháng 10/2020.

⁶⁴ Tại Hội thảo “Xây dựng lộ trình thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” vào ngày 26-27/11/2020 tại Quảng Ninh, các đại biểu đã tham gia thảo luận và thống nhất: cần xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia (NAP), trong đó đưa ra lộ trình cụ thể của việc thực hiện, tập trung ưu tiên thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm ở một số lĩnh vực cụ thể (bao gồm: thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao; bảo vệ môi trường; quan hệ lao động và các tiêu chuẩn lao động; bảo đảm các quyền dân sự của nhóm yếu thế như trẻ em, người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, cộng đồng LGBTI và bảo vệ quyền của người tiêu dùng).

⁶⁵ Luật Đầu tư 2020. Điều 5.

⁶⁶ Luật Đầu tư 2020. Điều 6 và Phụ lục 4.

⁶⁷ Luật Đầu tư 2020. Điều 33.

động môi trường” và các biện pháp bảo vệ môi trường.⁶⁸ Việc thẩm định hồ sơ đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư bao gồm đánh giá mức độ phù hợp của dự án đầu tư với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể, kế hoạch phát triển ngành công nghiệp và phân vùng sử dụng đất tổng thể, và đánh giá tác động và mức độ hiệu quả về mặt xã hội-kỹ thuật của dự án.⁶⁹ Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải nộp báo cáo định kỳ cho các cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê địa phương về tình hình thực hiện, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.⁷⁰

1.3. Về quản lý dự án đầu tư đang hoạt động, Luật Đầu tư quy định thủ tục đầu tư, đánh giá kết quả đầu tư và xử lý hành vi vi phạm về đầu tư.⁷¹ Các dự án đầu tư đang hoạt động có thể bị cơ quan quản lý đầu tư quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoặc bị chấm dứt hoàn toàn với các lý do: Bảo vệ di tích lịch sử, di tích, cổ vật, bảo vật quốc gia theo Luật Di sản văn hóa; phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan môi trường; và để thực hiện các biện pháp an toàn lao động theo yêu cầu của cơ quan lao động.⁷²

Hoạt động đầu tư tại Việt Nam phải tuân thủ Luật Đầu tư và các luật khác có liên quan, do đó chế tài đối với vi phạm trong lĩnh vực đầu tư không chỉ dừng ở tạm ngừng, ngừng hoạt động của dự án đầu tư. Ví dụ, Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà đầu tư khi gây ô nhiễm môi trường. Khi hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện dự án phải đảm bảo không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.⁷³

1.4. Về hỗ trợ và ưu đãi đầu tư, Luật Đầu tư quy định nhiều hình thức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, bao gồm giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất và sử dụng đất, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo, phát triển thị trường, nghiên cứu và phát triển, tín dụng.⁷⁴ Luật Đầu tư cũng quy định về phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh

⁶⁸Luật Đầu tư 2020. Điều 34 và 35.

⁶⁹Luật Đầu tư 2020. Điều 33.

⁷⁰Luật Đầu tư 2020. Điều 72.2a.

⁷¹Luật Đầu tư 2020. Chương IV.

⁷²Luật Đầu tư 2020. Điều 47 và 48.

⁷³Luật Đầu Tư 2020. Điều 44.4.

⁷⁴Luật Đầu tư 2020. Điều 15 và 18.

tế,⁷⁵ phát triển nhà ở, công trình công cộng và tiện ích cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.⁷⁶ Luật cũng có điều khoản bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật, theo đó các nhà đầu tư tiếp tục được hưởng các ưu đãi không thấp hơn ưu đãi họ được hưởng trước khi thay đổi quy định, trừ một số ngoại lệ quan trọng như “thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường.”⁷⁷

2. Pháp luật về lao động

2.1. Quan hệ lao động

Hiến pháp 2013 khẳng định “công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” và nêu rõ “việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.”⁷⁸ Hiến pháp định nghĩa Công đoàn là “tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”⁷⁹ Hiến pháp quy định rõ: Công đoàn Việt Nam có vai trò “đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.”⁸⁰

Các Luật điều chỉnh quan hệ lao động tại Việt Nam bao gồm Luật Công đoàn (2012),⁸¹ Bộ luật Lao động (2019).⁸² Bộ luật Lao động 2019 đã quy định người lao động có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn⁸³ và người lao động trong doanh nghiệp có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định

⁷⁵Luật Đầu tư 2020. Điều 19.

⁷⁶Luật Đầu tư 2020. Điều 77.9.

⁷⁷Luật Đầu tư 2020. Điều 13.3.

⁷⁸Hiến pháp Việt Nam. Điều 25.

⁷⁹Nt. Điều 10.

⁸⁰Nt. Điều 9.1.

⁸¹Luật Công đoàn 2012

⁸²Bộ luật Lao Động 2019, Luật số 45/2019/QH14.

⁸³ Bộ luật Lao động 2019. Điều 170.

tại các điều 172, 173 và 174⁸⁴ của Bộ luật Lao động 2019. Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định các tổ chức đại diện người lao động (công đoàn; tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp) bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động. Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định các biện pháp bảo vệ công đoàn và tổ chức đại diện tập thể người lao động tại doanh nghiệp khỏi sự thao túng và can thiệp để hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời thiết lập các quy trình rõ ràng hơn và khuyến khích thương lượng tập thể.

2.2. Điều kiện lao động

Hiến pháp 2013 quy định “Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.”⁸⁵ Hiến pháp 2013 cũng quy định người làm công ăn lương “được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng” và nghiêm cấm phân biệt đối xử.⁸⁶

Các quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp bao gồm “bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật lao động” và “không được phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp.”⁸⁷ không còn được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020, thay vào đó hiện được quy định trong Bộ luật Lao động 2019.

2.2.1. Thời giờ làm việc

Bộ luật Lao động quy định thời giờ làm việc, bao gồm cả giờ làm việc, thời gian nghỉ giải lao, thời giờ làm việc ca đêm, ngày nghỉ hàng tuần và nghỉ phép hàng năm.⁸⁸ Bộ luật Lao động 2019 nêu rõ “thời giờ làm việc bình thường” không quá 08 giờ trong 01 ngày hoặc 48 giờ trong 01 tuần, và “Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ,”⁸⁹ những điều này phù hợp với ILS. Về làm thêm giờ, Bộ luật Lao động quy định tổng số giờ làm việc không quá 12 giờ/ngày, 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm, “trừ những trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định, tổng số giờ làm thêm của người lao động không quá 300 giờ trong 01 năm.” Cả hai Bộ luật Lao động 2012 và 2019 đều quy định nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút

⁸⁴ Bộ luật Lao động 2019. Điều 170

⁸⁵ Hiến pháp Việt Nam. Điều 57.2

⁸⁶ Nt. Điều 35.

⁸⁷ Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8.5

⁸⁸ Bộ luật Lao động, (2019). Chương VII

⁸⁹ Bộ luật Lao động 2019. Điều 105

liên tục,⁹⁰ và nghỉ hàng tuần ít nhất 24 giờ liên tục phù hợp với Công ước ILO số 14 đã được Việt Nam phê chuẩn.⁹¹ Bộ luật Lao động cũng quy định người lao động làm việc đủ 12 tháng được phép có 12 đến 16 ngày nghỉ phép có trả lương trong một năm.⁹² Các nghị định và thông tư dưới luật quy định cụ thể hơn về các vấn đề trên. Bộ luật Lao động cũng quy định lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút.⁹³

2.2.2. Tiền lương

Bộ luật Lao động (2019) quy định các nội dung liên quan đến mức lương tối thiểu như mức lương, hình thức trả lương, tiền làm thêm giờ, và làm việc vào ban đêm.⁹⁴ Mức lương tối thiểu được xác định theo tháng, ngày, giờ và được xác lập theo vùng, ngành. Theo Bộ luật Lao động, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động có số lượng đại diện ngang nhau trong Hội đồng tiền lương quốc gia. Điều này phù hợp với nguyên tắc của Công ước ILO số 131, kêu gọi sự bình đẳng về số lượng đại diện của các tổ chức sử dụng lao động và tổ chức của người lao động tham gia trong các cơ chế ra quyết định về lương tối thiểu.⁹⁵

Trên thực tế, mức lương tối thiểu thường được điều chỉnh hàng năm. Theo đó, Tổng cục Thống kê công bố kết quả điều tra hàng năm về mức sống. Chính phủ lập báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội trong đó Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm tiến hành khảo sát doanh nghiệp về sản lượng sản xuất, tiền lương và thu nhập của người lao động. Bộ luật Lao động quy định mức lương tối thiểu vùng cần đáp ứng không chỉ nhu cầu của người lao động mà phải xét đến khả năng đáp ứng nhu cầu của cả gia đình người lao động với mức lương này. Điều này cũng phù hợp với Công ước ILO số 131. Bộ luật Lao động quy định, việc quyết định mức lương tối thiểu cần dựa trên tình hình kinh tế chung của đất nước. Bộ luật Lao động cũng quy định mỗi ngành sẽ có mức lương tối thiểu ấn định theo thỏa ước tập thể.

Theo Bộ luật Lao động năm 2019, tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó⁹⁶. Thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận căn cứ vào tính chất và mức độ

⁹⁰Bộ luật Lao động 2019. Điều 109

⁹¹Bộ luật Lao động 2019. Điều 111

⁹²Bộ luật Lao động 2019. Điều 113

⁹³Bộ luật Lao động 2019. Điều 137

⁹⁴Bộ luật Lao động 2019. Chương VI.

⁹⁵ILO, 'Công ước số 131 về Tiền lương tối thiểu', (1970). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C131. Truy cập ngày 03/8/2019. Điều 4.

⁹⁶ Bộ luật Lao động năm 2019. Điều 26

phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc một lần đối với một công việc và bảo đảm điều kiện sau đây: (i) không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; (ii) không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên; (iii) không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; (iv) không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác⁹⁷. Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động quy định: *“mức lương tối thiểu tháng là mức lương thấp nhất làm cơ sở để thỏa thuận và trả lương đối với người lao động áp dụng hình thức trả lương theo tháng, bảo đảm mức lương theo công việc hoặc chức danh của người lao động làm việc đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận không được thấp hơn mức lương tối thiểu tháng”* (khoản 1 Điều 4).

Theo Nghị định 28/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động và bảo hiểm xã hội, một trong những biện pháp khắc phục hậu quả khi người lao động bị trả lương dưới mức lương tối thiểu là có quyền yêu cầu người sử dụng lao động bồi thường tiền lương cộng tiền lãi.⁹⁸ Bộ luật Lao động 2019 đã mở rộng các quy định bảo đảm tiền lương tối thiểu cho tất cả “người lao động, học nghề, tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động” như người tự kinh doanh hoặc không có hợp đồng lao động chính thức.

Ngày 12/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2022/NĐ-CP quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2022.

2.2.3. Bảo vệ lao động nữ và chế độ thai sản

Hiến pháp 2013 quy định Nhà nước có trách nhiệm “bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình”⁹⁹ và “tạo môi trường thuận lợi cho việc xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.”¹⁰⁰ Các điều khoản về bảo vệ

⁹⁷ Bộ luật Lao động năm 2019. Điều 25

⁹⁸ Nghị định 28/2020/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

⁹⁹ Hiến pháp Việt Nam. Điều 58.2

¹⁰⁰ Nt. Điều 60.3

thai sản được quy định trong Bộ luật Lao động¹⁰¹ và tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.¹⁰²

Tính đến năm 2014, Việt Nam là một trong ba quốc gia (cùng với Trung Quốc và Mông Cổ) trên tổng số 26 quốc gia châu Á được ILO đánh giá là đáp ứng các tiêu chuẩn của Công ước ILO số 183 trên cả ba khía cạnh về: thời gian nghỉ phép, mức thanh toán và nguồn tài trợ.¹⁰³ Đặc biệt, Việt Nam cho phép nghỉ thai sản 6 tháng, cao hơn tiêu chuẩn quốc tế theo Công ước số 183 là 14 tuần.¹⁰⁴ Thời gian nghỉ bắt buộc sau sinh là 9 tuần, cao hơn tiêu chuẩn 6 tuần của quốc tế.¹⁰⁵ Trong suốt 26 tuần nghỉ, toàn bộ thu nhập đều được đảm bảo.¹⁰⁶ Trợ cấp thai sản được chi trả qua các hệ thống an sinh xã hội, và không phải thông qua người sử dụng lao động.¹⁰⁷ Trong trường hợp sinh nhiều con, luật cho phép tăng thời gian nghỉ thai sản thêm 4 tuần.¹⁰⁸ Luật Bảo hiểm xã hội quy định chế độ nghỉ 5 ngày có hưởng lương cho lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con.¹⁰⁹ Người lao động được hưởng thời gian nghỉ cho con bú 60 phút/ngày trong 12 tháng. Thời gian và số lần nghỉ giải lao cá nhân không được nêu cụ thể trong mục này.¹¹⁰

Bộ luật Lao động năm 2019 đã quy định về chống phân biệt đối xử, theo đó, phân biệt đối xử trong lao động là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp¹¹¹.

Lao động nữ có thai từ 7 tháng hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm việc ban đêm.¹¹² Phụ nữ không phải làm các công việc liên quan đến phóng

¹⁰¹Bộ luật Lao động 2019. Điều 137 và 139

¹⁰²Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật số 58/2014/QH13.

¹⁰³ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động: Luật pháp và thông lệ trên toàn thế giới', (2014). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS_242615/lang-en/index.htm. Truy cập ngày 3/8/2019. Trang 31.

¹⁰⁴Nt. Trang 10. Điều này đánh dấu sự gia tăng so với quyền lợi trước đó (nghỉ 17 tuần) được pháp luật Việt Nam quy định trước năm 2012.

¹⁰⁵Nt. Trang 46.

¹⁰⁶Nt. Trang 19.

¹⁰⁷Nt. Trang 26.

¹⁰⁸Nt. Trang 15.

¹⁰⁹Luật Bảo hiểm xã hội 2014; ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động'. Trang 66.

¹¹⁰ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động', (2014). Trang 185.

¹¹¹ Bộ luật Lao động năm 2019. Điều 3

¹¹²Nt. Trang 91 và 98.

xạ, nhiệt độ cao, điện cao thế hoặc tiếp xúc với các chất có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.¹¹³ Lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 nếu đang phụ trách việc nặng nhọc phải được chuyển sang một công việc nhẹ nhàng hơn mà không bị giảm lương.¹¹⁴ Các quy định của Nhà nước cho phép kéo dài thời gian nghỉ nếu các lựa chọn khác như thay đổi điều kiện lao động hoặc chuyển công việc đều không khả thi.¹¹⁵ Lao động nữ đang mang thai từ tháng thứ 7 hoặc chăm con nhỏ dưới 12 tháng có thể không phải làm thêm ngoài giờ.¹¹⁶ Pháp luật cũng quy định thời gian nghỉ khám bệnh vẫn được trả lương và phụ nữ mang thai được nghỉ 5 ngày có hưởng lương để đi khám thai.¹¹⁷

Công ước ILO số 183 kêu gọi chống lại việc sa thải lao động nữ khi họ trở lại làm việc sau thời gian nghỉ thai sản, nhưng cho phép các quốc gia tự quy định thời gian cụ thể trong quy định và luật pháp của mình.¹¹⁸ Tại Việt Nam, giai đoạn bảo hộ việc làm kéo dài đến khi đứa trẻ được một năm tuổi.¹¹⁹ Sau thời gian này, được phép sa thải trong thời gian bảo hộ nếu hợp đồng lao động hết hạn.¹²⁰

Khuyến nghị ILO số 191 đề xuất cần có các quy định cho việc thành lập các cơ sở chăm sóc trẻ em đáp ứng “điều kiện vệ sinh đầy đủ tại chỗ hoặc gần nơi làm việc.”¹²¹ Về kinh phí cho các cơ sở này, Khuyến nghị đề nghị việc cơ sở này sẽ được thành lập bởi Nhà nước hay tư nhân.¹²² Việt Nam có quy định việc thành lập các cơ sở chăm sóc trẻ em.¹²³ Người sử dụng lao động có thể chọn lựa thanh toán (hoàn trả) cho dịch vụ chăm sóc trẻ em bên ngoài thay vì thành lập một cơ sở chăm sóc trẻ em tại chỗ.¹²⁴

2.2.4. An toàn vệ sinh lao động

Hiến pháp 2013 quy định mỗi người lao động đều “được bảo đảm các điều kiện

¹¹³Nt. Trang 95 và 96.

¹¹⁴Nt. Trang 97 và 99.

¹¹⁵Nt. Trang 97 và 100.

¹¹⁶Nt. Trang 99.

¹¹⁷Nt. Trang 93.

¹¹⁸ILO, ‘Công ước số 183 về bảo vệ thai sản’, (2000). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C183. Truy cập ngày 06/9/2019.

¹¹⁹ILO, ‘Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động’, (2014). Trang 77.

¹²⁰Nt. Trang 78.

¹²¹ILO, ‘Khuyến nghị số 191 về Bảo vệ thai sản’, (2000). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:R191. Truy cập ngày 3/8/2019.

¹²²Nt. Đoạn 9.

¹²³ILO, ‘Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động’, (2014). Trang 108.

¹²⁴Nt. Trang 109 và 192.

làm việc an toàn.”¹²⁵ Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, quy định các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động; chính sách, chế độ bồi thường đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác an toàn vệ sinh lao động; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động; các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát nguy cơ.¹²⁶ Điểm tiến bộ đáng ghi nhận của Luật An toàn vệ sinh lao động là Luật này áp dụng với tất cả người lao động, bao gồm cả người lao động có ký kết và không ký kết hợp đồng, người thử việc, người học việc và thực tập sinh, người lao động từ đơn vị khác và lao động người nước ngoài tại Việt Nam. Nội dung an toàn vệ sinh lao động cũng được quy định trong Bộ luật Lao động.¹²⁷

2.2.5. An sinh xã hội

Hiến pháp 2013 quy định “công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội”¹²⁸ và “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, NKT, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.”¹²⁹ Hiến pháp 2013 cũng nêu rõ Nhà nước “thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.”¹³⁰ Theo Nghị quyết số 15-NQ/TW về một số vấn đề chính sách xã hội năm 2012, chính sách bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam gồm bốn trụ cột chính: Tạo việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu; bảo hiểm xã hội; trợ giúp xã hội cho nhóm có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như người cao tuổi, NKT, trẻ em, người thất nghiệp; và các dịch vụ xã hội cơ bản.¹³¹

Quyền lợi bảo hiểm xã hội được điều chỉnh bởi bốn luật chính: Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật Bảo hiểm y tế 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Việc làm 2013 (với quy định về bảo hiểm thất nghiệp) và Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 (với quy định về bảo hiểm tai nạn lao động).¹³² Luật Bảo hiểm xã hội quy định chi tiết các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội cho ba lĩnh vực an sinh xã hội: Lương hưu, ốm đau, thai sản. Đồng thời Luật này cũng quy định quyền và trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo

¹²⁵Hiến pháp Việt Nam. Điều 35.

¹²⁶Luật An toàn vệ sinh lao động 2015,

¹²⁷Bộ luật Lao động 2012. Chương IX; Bộ luật Lao động 2019. Chương IX.

¹²⁸Hiến pháp Việt Nam. Điều 34

¹²⁹Nt. Điều 59.2.

¹³⁰Nt. Điều 58.

¹³¹Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/11/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=86046>. Truy cập ngày 10/7/2020.

¹³²Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Luật Bảo hiểm y tế 2008, sửa đổi bổ sung 2014, Luật số 25/2008/QH12. Luật Việc làm 2013, Luật số 38/2013/QH13.

hiểm xã hội, tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động; cơ quan bảo hiểm xã hội; quỹ bảo hiểm xã hội; thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội và quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội.¹³³ Bộ luật Lao động cũng bao gồm nhiều quy định để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến bảo hiểm xã hội bắt buộc.¹³⁴ Theo Luật Doanh nghiệp, các nghĩa vụ của các doanh nghiệp bao gồm “thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.”¹³⁵

Khung chính sách về bảo hiểm xã hội được quy định tại Nghị quyết 28-NQ/TW của Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.¹³⁶ Theo đó, điều chỉnh điều kiện hưởng lương hưu, mở rộng diện người có bảo hiểm xã hội trong khu vực phi chính thức và tăng tuổi nghỉ hưu.¹³⁷ Kế hoạch cải cách bảo hiểm xã hội có tầm nhìn đến năm 2030 và đã được Ban chấp hành Trung ương Đảng thông qua năm 2018 theo Nghị quyết số 28. Các lĩnh vực cải cách chính bao gồm phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, tạo sự linh hoạt trong quy định đóng góp tối thiểu để hưởng lương hưu, tăng tuổi nghỉ hưu từ năm 2021, thu hẹp khoảng cách giới về tuổi nghỉ hưu và mở rộng diện tham gia bảo hiểm xã hội cho khu vực phi chính thức.

Bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương hoặc đặc biệt khó khăn được ghi nhận trong các điều khoản cụ thể của pháp luật như Luật Trẻ em 2016,¹³⁸ Luật NKT 2010,¹³⁹ và Nghị định số 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội¹⁴⁰ được thay thế bằng Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đến nay là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2.2.6. Thanh tra lao động

Bộ luật Lao động quy định về trách nhiệm của thanh tra lao động và vai trò của thanh tra lao động trong việc xử lý vi phạm theo Bộ luật Lao động.¹⁴¹ Khung pháp lý tổng quan về hoạt động thanh tra được quy định trong Luật Thanh tra 2010. Theo Bộ luật Lao động, trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa an toàn, tính mạng, sức

¹³³Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Điều 1.

¹³⁴Bộ luật Lao động 2019. Điều 168.

¹³⁵Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8.5.

¹³⁶Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/05/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

¹³⁷Nt.

¹³⁸Luật Trẻ em 2016, Luật số 102/2006/QH13.

¹³⁹Luật Người khuyết tật 2010, Luật số 51/2010/QH12

¹⁴⁰Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/04/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

¹⁴¹Bộ luật Lao động 2019.

khỏe, danh dự, nhân phẩm của người lao động tại nơi làm việc thì cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định thanh tra mà không cần báo trước.¹⁴²

2.3. Một số vấn đề liên quan

2.3.1. Hiến pháp quy định “lao động cưỡng bức” và một số thực hành khác tương tự “đều bị nghiêm cấm” và công dân có “quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.”¹⁴³ Bộ luật Lao động 2019 đều có quy định nghiêm cấm lao động cưỡng bức, bao gồm nghiêm cấm các hành vi ngược đãi, cưỡng bức lao động đối với người giúp việc.¹⁴⁴ Theo Luật Doanh nghiệp, một trong số những nghĩa vụ của doanh nghiệp là “không được sử dụng lao động cưỡng bức.”¹⁴⁵ Bộ luật Hình sự 2015 nghiêm cấm hành vi cưỡng bức lao động và đưa ra các mức phạt rõ ràng với bất kỳ hành vi cưỡng chế lao động nào.¹⁴⁶

2.3.2. Hiến pháp 2013 nghiêm cấm việc “sử dụng người lao động dưới độ tuổi lao động tối thiểu” và một số hành vi đối xử khác đối với người lao động.¹⁴⁷ Hiến pháp cũng quy định “trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.”¹⁴⁸ Theo Hiến pháp, “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học.”¹⁴⁹ Hiến pháp cũng tuyên bố: “Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.”¹⁵⁰

Bộ luật Lao động 2019 đã có những quy định về bảo vệ lao động chưa thành niên như: quy định lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi, nghiêm cấm sử dụng người chưa thành niên cho “công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên,” nhưng không đưa ra được một định nghĩa rõ ràng nào về lao động trẻ em, dẫn đến hệ quả là thiếu các

¹⁴²Bộ luật Lao động 2019. Điều 216.

¹⁴³Hiến pháp Việt Nam. Điều 35.

¹⁴⁴Bộ luật Lao động 2012. Điều 165.

¹⁴⁵Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 8.5.

¹⁴⁶Bộ luật Hình sự 2015, Luật số 100/2015/QH13.

¹⁴⁷Hiến pháp Việt Nam. Điều 35.

¹⁴⁸Nt. Điều 37.

¹⁴⁹Nt. Điều 61.2.

¹⁵⁰Nt. Điều 37.

điều khoản ngăn cấm cụ thể.¹⁵¹ Bộ luật Lao động nghiêm cấm sử dụng lao động dưới 15 tuổi trái pháp luật. Bộ luật Lao động đưa ra những quy định cụ thể để ngăn chặn bạo lực trẻ em và lạm dụng lao động chưa thành niên, cũng như dành riêng một chương nói về các quy định bảo vệ lao động chưa thành niên, lao động trẻ em. Các quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động đã tạo ra một khuôn khổ bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột lao động. Bộ luật Hình sự quy định trách nhiệm hình sự trong trường hợp có vi phạm liên quan đến sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi.

Luật Trẻ em quy định trẻ em dưới 16 tuổi phải được bảo vệ khỏi sự bóc lột lao động, như là “không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật,” cũng như không phải chịu sự “bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.”¹⁵² Luật Trẻ em 2016 quy định “trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động.”¹⁵³ Luật Doanh nghiệp thiết lập nghĩa vụ của doanh nghiệp “không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em.”¹⁵⁴

3. Pháp luật về môi trường

Vấn đề bảo vệ môi trường được Hiến pháp 2013 khẳng định “mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”.¹⁵⁵ Hiến pháp cũng công nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và nghĩa vụ quản lý môi trường của Nhà nước.¹⁵⁶

Luật Bảo vệ môi trường 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức (trong đó có các doanh nghiệp), cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Luật đã đưa ra các nguyên tắc bảo vệ môi trường, chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường và quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường¹⁵⁷.

Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường cũng được quy định trong nhiều văn bản pháp lý khác liên quan đến môi trường như Luật Đa dạng

¹⁵¹Bộ luật Lao động 2019. Điều 61.

¹⁵²Luật Trẻ em 2016. Điều 26.

¹⁵³Luật Trẻ em 2016. Điều 26.

¹⁵⁴Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8.5.

¹⁵⁵Hiến pháp Việt Nam. Điều 43.

¹⁵⁶Nt. Điều 63 và 96.

¹⁵⁷Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

sinh học 2008, Luật Lâm nghiệp 2017 và Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010.

Về trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp, khung đánh giá tác động môi trường được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020;¹⁵⁸ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó có một số hướng dẫn quan trọng về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và đăng ký môi trường. Nhiều quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác cũng bao gồm các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đánh giá tác động môi trường, và quá trình thực hiện đánh giá thường đi kèm với một yêu cầu bổ sung là tham khảo ý kiến của các tổ chức và cộng đồng địa phương chịu tác động bởi các dự án được đề xuất. Luật Bảo vệ môi trường 2020 yêu cầu chủ dự án đầu tư phải thực hiện tham vấn với cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư trong đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.¹⁵⁹ Đồng thời, Luật Bảo vệ môi trường 2020 cũng quy định đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu: (i) chủ dự án đầu tư, cơ sở cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp; và (ii) cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với dự án đầu tư, cơ sở đó.

Bên cạnh đó, Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định các ngành sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng được nhận ưu đãi trong đó có ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất¹⁶⁰. Khung pháp lý hiện hành cũng bao gồm các điều khoản quy định chi tiết các biện pháp giải quyết các vi phạm hoặc tranh chấp; cụ thể, Chương X và Chương XIV Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã quy định về bồi thường thiệt hại về môi trường, thanh kiểm tra và xử lý vi phạm, tranh chấp, khiếu

¹⁵⁸Luật Bảo vệ môi trường 2020. Điều 30-49.

¹⁵⁹Luật Bảo vệ môi trường 2020. Điều 33

¹⁶⁰ Điều 15 và điểm b khoản 1 Điều 16.

nại, tố cáo về môi trường.

Nghị định 155/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2021/NĐ-CP) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định các mức phạt đối với việc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Mặc dù khung pháp lý về bảo vệ môi trường đã được phát triển, quá trình thực thi vẫn cần đẩy mạnh tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế hơn nữa để bảo vệ và chống suy thoái môi trường, đồng thời bảo vệ chính các cá nhân và cộng đồng ở Việt Nam. Một lĩnh vực cần tăng cường là khung pháp lý về giải quyết tranh chấp môi trường, bao gồm hình thức hòa giải ngoài nhà nước với các tranh chấp môi trường và tạo ra các cơ chế giám sát các vi phạm một cách hiệu quả hơn.

Theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, nạn nhân của các vi phạm môi trường được phép yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường thông qua các hình thức giải quyết tranh chấp bao gồm: thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án. Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy định cho phép các nạn nhân của các hành vi vi phạm môi trường tiến hành khởi kiện tập thể. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mới chỉ có quy định về giải quyết tranh chấp tập thể trong lĩnh vực lao động, mà chưa mở rộng ra những lĩnh vực khác như môi trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng¹⁶¹.

4. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ người tiêu dùng được quy định trong Hiến pháp, theo đó “ngghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.”¹⁶² Văn bản pháp lý toàn diện nhất về bảo vệ quyền của người tiêu dùng tại Việt Nam là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.¹⁶³ Luật quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng, trách nhiệm của các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền của người tiêu dùng, giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.¹⁶⁴

Luật cũng công nhận người tiêu dùng có quyền được đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền được cung cấp thông tin chính xác, quyền lựa chọn hàng hóa hoặc dịch vụ, quyền được góp ý về chất lượng hàng hóa và dịch vụ, quyền

¹⁶¹ Khoản 2 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

¹⁶² Hiến pháp Việt Nam. Điều 38.

¹⁶³ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Luật số 59/2010/QH12.

¹⁶⁴ Nt. Điều 1.9.

được tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, và quyền khiếu nại về hàng hóa và dịch vụ.¹⁶⁵ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định cơ chế giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án. Tuy nhiên, việc thực thi hiệu quả quyền của người tiêu dùng vẫn còn là một thách thức.¹⁶⁶

Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật khác, như Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017), Luật Thương mại 2005, Luật Cạnh tranh 2018, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007, Luật An toàn thực phẩm 2010, Luật Dược 2016, Luật Quảng cáo 2012 và Luật Doanh nghiệp 2020. Năm 2019, trước đòi hỏi ngày càng cao về việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.¹⁶⁷ Chủ trương này khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ người tiêu dùng và vai trò chủ chốt của tất cả các cấp và các tổ chức trong hệ thống chính trị chịu trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Ngày 25/10/2022, Quốc hội đã cho ý kiến lần đầu vào dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi). Dự thảo Luật được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kế thừa các điều khoản cơ bản của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng hiện hành; bảo đảm tính tương thích, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và bám sát 07 Chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 06/5/2021.

5. Pháp luật về kinh doanh và bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

5.1. Người lao động trong nền kinh tế phi chính thức

Hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật nào được ban hành để quản lý việc làm phi chính thức ở Việt Nam. Tuy nhiên, Hiến pháp ghi nhận quyền của người lao động, bao gồm cả lao động phi chính thức, được làm việc trong các điều kiện công bằng, an toàn, không phân biệt đối xử và cưỡng bức lao động, được bảo đảm an sinh xã hội.¹⁶⁸ Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm phát triển hệ thống phúc lợi xã hội cho

¹⁶⁵Nt. Điều 8.

¹⁶⁶Nt. Điều 30-46.

¹⁶⁷Chỉ thị 30-CT/TW ngày 22/01/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

¹⁶⁸Hiến pháp Việt Nam. Điều 34 và 35.

tất cả người lao động, bao gồm cả lao động phi chính thức.¹⁶⁹

Việc bảo vệ người lao động phi chính thức cũng được ghi nhận trong một số luật của Việt Nam. Bộ luật Lao động 2019 đã mở rộng phạm vi các quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động không có quan hệ lao động chính thức.¹⁷⁰ Luật Bảo hiểm xã hội 2014 đảm bảo sự bảo trợ xã hội cho mọi người, và yêu cầu tất cả các tổ chức hoạt động tại Việt Nam thuê và sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, cá nhân từ 15 tuổi có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.¹⁷¹ Luật Bảo hiểm y tế 2008 xác định tiêu chí cho những người đủ điều kiện bảo hiểm y tế.¹⁷²

5.2. Trẻ em

Quyền trẻ em được ghi nhận trong Hiến pháp và được hỗ trợ thông qua nhiều luật liên quan. Hiến pháp quy định trẻ em vùng cao được hưởng sự bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của gia đình, Nhà nước và xã hội; và được phép tham gia vào các vấn đề trẻ em. Xâm phạm, ngược đãi, bỏ rơi, lạm dụng và bóc lột sức lao động và các hình thức vi phạm quyền trẻ em khác đều bị nghiêm cấm.¹⁷³

Luật Trẻ em 2016 nghiêm cấm các hành vi vi phạm quyền trẻ em ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có bối cảnh hoạt động kinh doanh. Cụ thể, Luật nghiêm cấm các hành vi bạo lực, lạm dụng hoặc bóc lột trẻ em; các hành vi cung cấp dịch vụ internet bị cấm và các dịch vụ khác; các hành vi sản xuất, tái sản xuất, phát hành, vận hành, phổ biến, sở hữu, vận chuyển, lưu trữ và kinh doanh các ấn phẩm, đồ chơi, trò chơi và các sản phẩm khác có nội dung gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em; và các hành vi xây dựng cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất hoặc kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, hành vi đặt các hóa chất độc hại hoặc chất dễ cháy gần các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, giải trí và giải trí của trẻ em hoặc ngược lại.¹⁷⁴ Luật Trẻ em hiện hành quy định bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột sức lao động và tác động của thiên tai, thảm họa và ô nhiễm môi trường.¹⁷⁵ Luật trẻ em cũng quy định trách nhiệm của doanh nghiệp là cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an toàn và thân thiện, không gây hại cho trẻ em và không được xâm phạm quyền trẻ em theo quy định, hướng dẫn của cơ quan

¹⁶⁹Nt. Điều 59.

¹⁷⁰Bộ luật Lao động 2019. Điều 2.

¹⁷¹Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Điều 2.

¹⁷²Luật Bảo hiểm y tế 2018.

¹⁷³Hiến pháp Việt Nam. Điều 37.

¹⁷⁴Luật Trẻ em 2016. Điều 6.

¹⁷⁵Nt. Điều 26 và 31.

nhà nước có thẩm quyền, tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành trách nhiệm làm cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được học việc và làm việc phù hợp với lứa tuổi và năng lực, đồng thời đóng góp và huy động các nguồn lực để thực hiện quyền trẻ em.¹⁷⁶

Bộ luật Lao động nghiêm cấm tuyển dụng và sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.¹⁷⁷ Bộ luật Lao động cũng đưa ra các quy định cụ thể về tuổi của lao động chưa thành niên, nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên, việc làm và giờ làm việc cho lao động dưới 15 tuổi, công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.¹⁷⁸ Bộ luật Lao động cũng đề cập đến trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm sóc thai sản cho nhân viên và các biện pháp bảo vệ khác cho trẻ nhỏ.¹⁷⁹ Ngoài ra, Bộ luật Lao động cũng quy định các doanh nghiệp có trách nhiệm hỗ trợ xây dựng các cơ sở chăm sóc ban ngày và nhà trẻ, hoặc chi trả một phần chi phí chăm sóc trẻ em cho người lao động.¹⁸⁰

Luật An ninh mạng 2018 có quy định bảo vệ trẻ em trên không gian mạng, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet có trách nhiệm kiểm soát hệ thống hoặc dịch vụ của họ nhằm không gây hại hoặc xâm phạm quyền trẻ em.¹⁸¹ Luật này cũng đặt ra trách nhiệm đối với doanh nghiệp trong việc ngăn chặn việc chia sẻ và xóa thông tin nội dung có thể gây tổn hại hoặc ngược đãi trẻ em hoặc vi phạm quyền trẻ em.

Trong các lĩnh vực khác của pháp luật như thương mại, kinh doanh, môi trường, việc bảo vệ trẻ em hiếm được đề cập hơn. Tuy nhiên, có một số quy định trong các lĩnh vực khác của pháp luật doanh nghiệp liên quan đến trẻ em. Luật Quảng cáo 2012 cấm quảng cáo các sản phẩm thay thế sữa mẹ cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, bổ sung chế độ ăn uống cho trẻ dưới 6 tháng tuổi, và bình sữa và núm vú giả.¹⁸² Luật này cũng nghiêm cấm việc sử dụng quảng cáo khiến trẻ em suy nghĩ, nói và hành động trái với phong tục và đạo đức truyền thống, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, sự an toàn hoặc sự phát triển tự nhiên của trẻ.¹⁸³

Luật Đầu tư đề cập đến đầu tư vào các trung tâm chăm sóc trẻ mồ côi hoặc trẻ em lang thang không được hỗ trợ.¹⁸⁴ Luật Phòng, chống tác hại rượu bia 2019 đưa ra

¹⁷⁶Nt.

¹⁷⁷Bộ luật Lao động 2019. Điều 8.

¹⁷⁸Bộ luật Lao động 2019. Chương XI.

¹⁷⁹Bộ luật Lao động 2019. Điều 137-142.

¹⁸⁰Bộ luật Lao động 2019. Điều 136.

¹⁸¹Luật An ninh mạng 2018, Luật số 24/2018/QH1.. Điều 29.

¹⁸²Luật Quảng cáo 2012, Luật số 16/2012/QH13. Điều 7.

¹⁸³Nt. Điều 8.

¹⁸⁴ Luật Đầu tư 2020. Điều 16.1.m.

quy định về bảo vệ trẻ em, trách nhiệm của các tổ chức trong đó có doanh nghiệp về bảo vệ trẻ em trong phòng chống tác hại của bia rượu.¹⁸⁵ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012 nghiêm cấm doanh nghiệp quảng cáo thuốc lá trên báo chí, ấn phẩm dành cho trẻ em.¹⁸⁶

5.3. Phụ nữ

Hiến pháp đảm bảo quyền bình đẳng, công bằng và không phân biệt đối xử đối với nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống công và tư và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.¹⁸⁷ Từ khi thực hiện công cuộc ‘Đổi mới’ năm 1986, Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng và các công cụ pháp lý liên quan đến bảo vệ phụ nữ tại nơi làm việc. Luật Bình đẳng giới 2006 khẳng định bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực bao gồm phát triển kinh tế và việc làm.¹⁸⁸

Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa nam và nữ được tiếp tục khẳng định trong Bộ luật Lao động 2019, Luật Trẻ em 2016, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007, Luật Đất đai 2013, Luật Phòng, chống mua bán người 2011, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017 và Luật NKT 2010. Bộ luật Lao động 2019 nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo vệ phụ nữ hơn nữa trong mọi lĩnh vực kinh doanh, bao gồm thu hẹp khoảng cách về tuổi nghỉ hưu, đảm bảo phụ nữ không bị loại khỏi một số công việc nhất định, mở rộng bảo vệ pháp lý cho lao động không chính thức bao gồm phụ nữ, xác định và nghiêm cấm hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.¹⁸⁹ Về mặt chính sách và các chương trình, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản có nội dung bảo vệ phụ nữ tại nơi làm việc như Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020¹⁹⁰ và Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp 2017-2025.¹⁹¹

5.4. Người khuyết tật

Quyền của NKT được công nhận cụ thể khuôn khổ pháp lý của Việt Nam. Hiến pháp khẳng định Nhà nước tạo cơ hội bình đẳng cho công dân được hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, thực hiện chính sách hỗ trợ NKT.¹⁹² Hiến

¹⁸⁵Luật Phòng, chống tác hại rượu bia 2019, Luật số 44/2019/QH14. Điều 3, 12, 23, 25 và 31.

¹⁸⁶Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012, Luật số 09/2012/QH13. Điều 9.

¹⁸⁷Hiến pháp Việt Nam. Điều 26.

¹⁸⁸ Luật Bình đẳng giới 2006, Luật số 73/2006/QH11.

¹⁸⁹Bộ luật Lao động 2019.

¹⁹⁰Quyết định 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong giai đoạn 2011-2020.

¹⁹¹ Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 phê duyệt đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025".

¹⁹²Hiến pháp Việt Nam. Điều 59.

pháp tạo điều kiện thuận lợi cho NKT tiếp cận với việc học văn hóa và dạy nghề.¹⁹³

Việt Nam đã thông qua Luật NKT 2010, công nhận quyền của NKT và trách nhiệm của Nhà nước, các bên liên quan trong việc đảm bảo và bảo vệ quyền của NKT. Luật khẳng định tất cả các cơ quan và tổ chức trong đó có doanh nghiệp, trong phạm vi nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của NKT.¹⁹⁴ Hơn nữa, Chương 5 về Việc làm và dạy nghề trong luật yêu cầu doanh nghiệp không được từ chối tuyển dụng NKT đủ tiêu chuẩn vào làm việc hoặc đặt ra tiêu chuẩn tuyển dụng nhằm hạn chế cơ hội làm việc của NKT; và cần bố trí, sắp xếp công việc, bảo đảm điều kiện và môi trường làm việc phù hợp cho NKT.¹⁹⁵ Luật NKT cũng quy định các ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là NKT, như hỗ trợ cải tạo điều kiện và môi trường làm việc cho NKT, tiếp cận vốn vay với lãi suất ưu đãi, ưu tiên cho thuê đất và được miễn, giảm tiền thuê đất.¹⁹⁶ Ngoài ra, các doanh nghiệp này còn được miễn thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.¹⁹⁷

Bộ luật Lao động nghiêm cấm phân biệt đối xử trên cơ sở khuyết tật.¹⁹⁸ Việc bảo vệ người lao động khuyết tật được quy định trong Bộ luật Lao động.¹⁹⁹ Theo đó, người sử dụng lao động phải cung cấp chỗ ở hợp lý liên quan đến điều kiện làm việc, công cụ làm việc, an toàn lao động và các biện pháp y tế phù hợp với người lao động khuyết tật và phải tham khảo ý kiến của họ trước khi quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động khuyết tật.²⁰⁰ Người sử dụng lao động bị cấm sử dụng lao động khuyết tật để làm việc ngoài giờ và vào ban đêm mà không có thỏa thuận của họ, cũng như không được sử dụng người lao động khuyết tật để thực hiện công việc nặng hoặc nguy hiểm, hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.²⁰¹

Các luật khác như Luật Trẻ em 2016, Luật Khám chữa bệnh 2009, Luật Đầu tư 2020, Luật Xây dựng 2014, Luật Nhà ở 2014 cũng có các quy định về bảo vệ NKT trong lĩnh vực công việc, việc làm, an sinh xã hội và các hoạt động kinh tế và dân sự.

5.5. Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính (LGBTI)

¹⁹³Nt. Điều 61.

¹⁹⁴Luật Người khuyết tật 2010. Điều 7.

¹⁹⁵Nt. Điều 33.2, 33.3 và 33.4.

¹⁹⁶Nt. Điều 34.

¹⁹⁷Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2013, Luật số 32/2013/QH13. Điều 1.3.

¹⁹⁸Bộ luật Lao động 2019. Điều 8.

¹⁹⁹Bộ luật Lao động 2019. Chương XI.

²⁰⁰Bộ luật Lao động 2019. Điều 159.

²⁰¹Nt. Điều 160.

Mặc dù khái niệm về xu hướng tính dục, bản dạng giới hoặc người LGBTI chưa được chính thức công nhận tại Việt Nam, Hiến pháp vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử.²⁰² Hiến pháp khẳng định mọi công dân đều có quyền làm việc và lựa chọn nghề nghiệp, công việc và nơi làm việc; đồng thời người lao động sẽ được cung cấp các điều kiện làm việc bình đẳng, an toàn và được trả lương, nghỉ phép theo chính sách.²⁰³ Hơn nữa, Nhà nước bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và cung cấp các điều kiện thuận lợi để xây dựng các mối quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.²⁰⁴ Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử được tiếp tục khẳng định trong các luật về bảo vệ các nhóm bị dễ bị tổn thương như Luật Hôn nhân và gia đình 2014,²⁰⁵ Luật Bình đẳng giới 2006.²⁰⁶

Bộ luật Dân sự 2015 cũng thúc đẩy quyền của người LGBTI với việc công nhận người chuyển giới và đảm bảo quyền thay đổi tên của người chuyển giới.²⁰⁷ Bộ luật Lao động 2019 nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử trong lao động.²⁰⁸ Tuy nhiên, mặc dù quyền được chuyển đổi giới tính đã được ghi nhận nhưng hiện nay vẫn chưa có văn bản luật chuyên ngành quy định tiết chi tiết vấn đề này.

6. Pháp luật về các biện pháp khắc phục

Tại Việt Nam, Hiến pháp quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.²⁰⁹ Tòa án nhân dân “có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”²¹⁰ Hiến pháp cũng quy định vai trò của Viện kiểm sát nhân dân với nhiệm vụ “bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.”²¹¹

6.1. Trách nhiệm hình sự

Bộ luật Hình sự (2015, sửa đổi, bổ sung 2017) đã đưa ra các quy định mới quan

²⁰²Hiến pháp Việt Nam. Điều 26.

²⁰³Nt. Điều 35.

²⁰⁴Nt. Điều 57.2.

²⁰⁵Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

²⁰⁶ Luật Bình đẳng giới 2006.

²⁰⁷Bộ luật Dân sự 2015, Luật số 91/2015/QH13. Điều 28 và 37.

²⁰⁸Bộ luật Lao động 2019. Điều 8.

²⁰⁹Hiến pháp Việt Nam. Điều 102.

²¹⁰ Nt. Điều 102.3.

²¹¹ Nt. Điều 107.3.

trọng về trách nhiệm hình sự của doanh nghiệp.²¹² Nếu như các Bộ luật Hình sự trước đây chỉ quy định thể nhân (cá nhân), chứ không phải pháp nhân (bao gồm công ty), phải chịu trách nhiệm hình sự, thì theo Bộ luật Hình sự 2015, các pháp nhân thương mại cũng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.²¹³ Một trong những mục tiêu của Bộ luật Hình sự là để bảo vệ quyền con người.²¹⁴ Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền truy tố, và “có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.”²¹⁵

Tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng bị hình sự hóa trong Bộ luật Hình sự 2015, với các điều luật quy định trách nhiệm hình sự của cá nhân làm việc cho các pháp nhân thương mại (nhưng không thiết lập trách nhiệm hình sự cho chính các pháp nhân thương mại).

Các hình phạt hình sự cụ thể đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 bao gồm phạt tiền, số tiền tùy thuộc vào bản chất của hành vi phạm tội, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, cũng như đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động kinh doanh tạm thời hoặc vĩnh viễn, cấm huy động vốn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.²¹⁶

6.2. Trách nhiệm dân sự

Bộ luật Dân sự 2015 thiết lập các chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử và nghĩa vụ của pháp nhân (bao gồm cả pháp nhân thương mại),²¹⁷ đó là: “Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác”²¹⁸ và thiết lập trách nhiệm dân sự của pháp nhân,²¹⁹ bao gồm cả vi phạm nghĩa vụ hợp đồng cũng như nghĩa vụ ngoài hợp đồng. Bất kỳ ai bị vi phạm quyền dân sự được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự đều có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền dân sự của mình; buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ; ... [và/hoặc] hủy bỏ quyết định cá

²¹²Bộ luật Hình sự 2015.

²¹³Nt. Điều 3 và Chương XI.

²¹⁴Nt. Điều 1.

²¹⁵Hiến pháp Việt Nam. Điều 107.

²¹⁶Nt. Điều 33 và 34.

²¹⁷Bộ luật Dân sự 2015. Điều 1 và 74.

²¹⁸Nt. Điều 1 và Điều 75.2.

²¹⁹Nt. Điều 1, 87 và 351.

biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.”²²⁰ Về bồi thường thiệt hại, bất kỳ ai “có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”²²¹ Các thiệt hại do Bộ luật Dân sự quy định bao gồm cả “thiệt hại về vật chất,” được định nghĩa là “là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút,” cũng như “thiệt hại về tinh thần,” được định nghĩa là “là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể.”²²² Bộ luật Dân sự quy định cụ thể về bồi thường thiệt hại liên quan đến môi trường: “Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi.”²²³ Các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm dân sự cụ thể hơn đối với bồi thường liên quan đến một số “nguồn nguy hiểm cao độ” được định nghĩa bao gồm “phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, ... và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định.”²²⁴ Chủ sở hữu của “nguồn nguy hiểm cao độ phải vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật”²²⁵ và “phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.”²²⁶ Chủ sở hữu các công trình xây dựng có nghĩa vụ “bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác” và nghĩa vụ này có thể liên quan đến người thi công công trình.²²⁷

6.3. Một số vấn đề khác

Cơ chế phi tư pháp của Nhà nước được quy định trong nhiều văn bản pháp luật như: Luật Thanh tra 2010, Luật Tố cáo 2018, Luật Hòa giải ở cơ sở 2013, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) và Luật Trọng tài thương mại 2010.

Hiến pháp quy định về quyền “khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền” đối với những hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hiến pháp quy định: “Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền

²²⁰Nt. Điều 11.

²²¹Nt. Điều 13.

²²²Nt. Điều 361.

²²³Nt. Điều 602.

²²⁴Nt. Điều 601.1.

²²⁵Nt.

²²⁶Nt. Điều 601(2).

²²⁷Nt. Điều 605.

phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo; “người bị thiệt hại và thương tật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật;” và “ngghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo gây tổn hại người khác.”²²⁸

Doanh nghiệp có các hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm có thể chịu trách nhiệm hành chính theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính liên quan. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 54/2014/QH13 và Luật số 18/2017/QH14 (Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012). Ngày 13/11/2020, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV, Quốc hội thông qua Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022. Để bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật số 67/2020/QH14, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, như: Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới.

Luật Hòa giải ở cơ sở 2013 quy định về việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật và Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.²²⁹

Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại đối với “tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại,” “tranh chấp giữa các bên mà ít nhất một bên thực hiện hoạt động thương mại” và “các tranh chấp khác giữa các bên được Luật yêu cầu phải giải quyết bằng trọng tài.”²³⁰ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 quy định một số phương thức giải quyết tranh chấp không thông qua biện pháp tư pháp, bao gồm giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc trọng tài.²³¹ Tuy nhiên, Luật này không quy định việc thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp “gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhiều người tiêu dùng, lợi ích công cộng.”²³²

²²⁸Hiến pháp Việt Nam. Điều 30.

²²⁹Luật Hòa giải cơ sở 2013, Luật số 35/2013/QH13. Điều 6 và 21.3.

²³⁰Luật Trọng tài thương mại 2010, Luật số 54/2010/QH12. Điều 2.

²³¹Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010. Điều 30.

²³²Nt.

II. THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ MỘT SỐ VỤ VIỆC CỤ THỂ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM²³³

Phần này của Đề án có mục tiêu chính là xác định các vấn đề bất cập nổi cộm theo 5 lĩnh vực ưu tiên: (i) Đầu tư chọn lọc; (ii) Lao động; (iii) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương; (iv) Bảo vệ môi trường; (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (cũng như các biện pháp khắc phục liên quan).²³⁴

1. Đầu tư chọn lọc

Mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể trong thời gian qua, hoạt động đầu tư còn có những tác động tiêu cực liên quan đến phát triển bền vững tại Việt Nam nói chung, trong đó bao gồm các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm. Theo Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/08/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 (Nghị quyết 50), hoạt động đầu tư kinh doanh của các doanh nghiệp còn có những vấn đề cần khắc phục như gây ô nhiễm môi trường, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm; gian lận thương mại, không bảo đảm lợi ích của người lao động.²³⁵ Một số doanh nghiệp, dự án có vốn FDI sử dụng lãng phí tài nguyên, đất đai, vi phạm chính sách, pháp luật về lao động, tiền lương, thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường... Những vấn đề nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu.²³⁶ Nhận thức của các cấp, các ngành và của xã hội còn chưa đầy đủ, nhất quán; thu hút đầu tư nước ngoài còn thiếu chọn lọc. Tư duy và định hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, thiếu đồng bộ, nhiều quy định còn chồng chéo, mâu thuẫn. Năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài nhiều nơi còn hạn chế, thiếu tính chủ động, sáng tạo; khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm có lúc, có nơi chưa nghiêm.²³⁷

1.1. Đầu tư gắn với sử dụng đất hiệu quả và hài hoà lợi ích cộng đồng

²³³ Xem thêm: Báo cáo đánh giá hiện trạng về tình hình kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp tại Việt Nam, Tài liệu phục vụ Hội thảo, tháng 7/2022.

²³⁴ Tại Hội thảo “Xây dựng lộ trình thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam” vào ngày 26-27/11/2020 tại Quảng Ninh, các đại biểu đã tham gia thảo luận và thống nhất: cần xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia (NAP), trong đó đưa ra lộ trình cụ thể của việc thực hiện, tập trung ưu tiên thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm ở một số lĩnh vực cụ thể (bao gồm: thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao; bảo vệ môi trường; quan hệ lao động và các tiêu chuẩn lao động; bảo đảm các quyền dân sự của nhóm yếu thế như trẻ em, người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, cộng đồng LGBTI và bảo vệ quyền của người tiêu dùng).

²³⁵ Nghị quyết số 10-NQ/TW.

²³⁶ Nghị quyết số 50-NQ/TW.

²³⁷ Nt.

Hiện nay, công tác đền bù, bồi thường cho người dân trong quá trình giải phóng mặt bằng (GPMB) cũng tồn tại nhiều vướng mắc, ảnh hưởng tới quyền lợi của người dân cũng như chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

Mặc dù đã có những quy định ràng buộc, cùng với chế tài hành chính, hình sự cụ thể về những hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, nhưng trên thực tế tình trạng các hoạt động đầu tư gây ảnh hưởng tới việc thực hiện quyền sử dụng đất, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội vẫn tồn tại. Việc tổ chức thi hành pháp luật ở nhiều nơi còn chưa nghiêm, trong khi công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật chưa thực sự có hiệu quả. Ở một số địa phương chưa quan tâm đúng mức, chỉ đạo cụ thể, sát sao và thường xuyên; việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai chưa được thực hiện tốt.

Nghị định 25/2020/NĐ-CP đã đưa ra các hướng dẫn cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp đối với việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các dự án có sử dụng đất.²³⁸ Nghị định này đã đưa ra phương pháp lợi ích xã hội trong phương pháp đánh giá về tài chính thương mại trong hồ sơ thầu của dự án. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được tốt việc đánh giá lợi ích xã hội của dự án thì cần phải có những hướng dẫn cụ thể hơn nữa để cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư cần có những tiêu chí đánh giá để có thể nâng cao được chất lượng của hồ sơ thầu mà qua đó có thể nâng cao được trách nhiệm của nhà đầu tư đối với việc thực hiện dự án.

1.2. Đầu tư gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

1.2.1. Tuy đã có những biện pháp để sàng lọc đầu tư (ngành nghề kinh doanh có điều kiện, các điều kiện trong quá trình xin cấp phép, hoạt động kinh doanh) được quy định tại các Luật Đầu tư, Luật BVMT nhằm quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có nguy cơ tác động tới môi trường, nhưng thực tế vẫn cho thấy những khó khăn của việc cân đối giữa các mục tiêu môi trường với các mục tiêu tăng trưởng sâu rộng trong quá trình phát triển kinh tế²³⁹. Hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam là rất đa dạng và có nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng gây ô nhiễm cao, như sản xuất hoá chất, phân bón, luyện kim, may mặc, dệt nhuộm... Mặc dù các cơ quan nhà nước đã có một số biện pháp để hạn chế các dự án đầu tư gây tác động tiêu cực tới môi trường thông qua việc xây dựng các quy hoạch ngành, nghề hay thông qua các chính sách ưu đãi

²³⁸Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Điều 1.

²³⁹Xem thêm Ngân hàng Thế giới, 'Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030'. Trang 20.

về thuế cho các hoạt động đầu tư ít tác động môi trường hoặc bảo vệ môi trường, nhưng các hoạt động đầu tư vào các ngành có khả năng gây tác động môi trường vẫn còn rất cao. Với nhu cầu của phát triển hiện tại, một số lĩnh vực, địa phương vẫn chấp nhận các dự án đầu tư có rủi ro về môi trường vì chi phí đầu tư thấp. Trong khi đó, các dự án đầu tư có đóng góp tích cực cho môi trường còn rất khiêm tốn. Trong năm 2021 chỉ có duy nhất 02 dự án với số vốn đăng ký cấp mới đạt 7,2 triệu USD trên tổng số 1738 dự án cấp mới với tổng số vốn đăng ký cấp mới đạt 15,2 tỷ USD²⁴⁰.

Trách nhiệm cấp phép đầu tư được phân cấp tùy thuộc vào tính chất và mức độ ảnh hưởng của dự án đến phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, UBND cấp tỉnh đóng vai trò quan trọng trong chất lượng chọn lọc đầu tư ở địa phương. Phụ thuộc vào mục tiêu phát triển của mỗi địa phương theo từng thời kỳ, các địa phương sẽ có những quyết định lựa chọn lĩnh vực thu hút hoặc chấp nhận đầu tư trên địa bàn dựa trên các tiêu chí về kinh tế - xã hội, trong đó, yếu tố môi trường là một yếu tố chưa phải là yếu tố chính để xem xét cấp phép đầu tư. Ngoài ra, năng lực về thẩm định tác động môi trường của dự án đầu tư tại các địa phương còn có nhiều vấn đề, như chuyên môn của cán bộ, công cụ thẩm định chưa có hoặc không đầy đủ...

Pháp luật về đầu tư và môi trường hiện nay đã quy định lồng ghép các yêu cầu về môi trường đối với một đề xuất dự án đầu tư trước khi được cấp phép và đi vào hoạt động. Luật BVMT 2020 quy định việc “*thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư*”²⁴¹. Vấn đề đặt ra là các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương cần xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, danh mục ngành nghề thu hút đầu tư phải gắn với tính toán khả năng ô nhiễm của lĩnh vực, dự án đầu tư có thể mang lại để có thể hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực tới môi trường từ hoạt động đầu tư²⁴².

Theo quy định của Luật Đầu tư 2020 và Luật BVMT 2020, đánh giá sơ bộ tác động môi trường được yêu cầu có trong hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư²⁴³. Theo các luật này, lập và thẩm định đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực

²⁴⁰Cục Đầu tư nước ngoài, ‘Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2021’.

²⁴¹Luật Bảo vệ môi trường 2020. Luật số 72/2020/QH14. Điều 5.10.

²⁴²Ngân hàng Thế giới, ‘Đánh giá và phân tích tác động ô nhiễm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam’, (2008). Thông tin có tại: <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33931/45075VIET.pdf?sequence=2>. Truy cập ngày 25/01/2022. Trang 77-78.

²⁴³Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 3, khoản 6 và Điều 29. Luật Đầu tư 2020. Điều 33.

hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án²⁴⁴. Để thực thi được tốt các quy định này, các cơ quan nhà nước cần phải công khai các văn bản, tài liệu có các thông tin để nhà đầu tư có thể thực hiện được công tác đánh giá sơ bộ, như Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan... Bên cạnh đó, nhà đầu tư/doanh nghiệp cần phải chú ý đánh giá được các yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường...²⁴⁵

1.2.2. Tín dụng xanh là một trong những công cụ hiệu quả để đạt được các cam kết tại COP26, là hướng đi tất yếu của ngành tài chính toàn cầu nói chung và ngành tài chính Việt Nam nói riêng trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra trên toàn cầu²⁴⁶. Tuy vậy, hiệu quả của tài chính xanh tại Việt Nam hiện chưa được như kỳ vọng. Bức tranh tổng thể về thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam được đánh giá hiện đang ở dạng sơ khai, chưa phát triển, quy mô, loại hình và nền tảng cung, cầu trái phiếu xanh đều chưa chắc chắn, hệ thống pháp lý cho việc phát hành và đầu tư trái phiếu xanh còn mỏng và chưa đáp ứng được các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế; hệ thống thông tin, tuyên truyền và sự hiểu biết của nhà đầu tư nói riêng và thị trường nói chung về trái phiếu xanh còn rất nhiều hạn chế²⁴⁷. Việc cải thiện chất lượng và thị trường tài chính xanh ở Việt Nam thông qua việc xây dựng khung pháp lý đầy đủ, đưa ra các hỗ trợ khuyến khích cho tài chính xanh theo đó là một công cụ hiệu quả để tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, thu hút các dự án đầu tư một cách có chọn lọc.

Theo đánh giá, các nguồn tài chính quốc tế trong thời gian tới sẽ tập trung hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, duy trì, phát triển rừng và bảo vệ các hệ sinh thái thay vì hỗ trợ cho các nguồn năng lượng hóa thạch²⁴⁸.

1.2.3. Theo các quy định của pháp luật, UBND cấp tỉnh là cơ quan đầu mối chịu

²⁴⁴Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 31, khoản 1.

²⁴⁵Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/05/2021 của Chính phủ quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường.

²⁴⁶Đẩy mạnh tín dụng xanh cho phát triển bền vững' (2022). Thông tin có tại: <https://www.quochoitv.vn/cop26-day-manh-tin-dung-xanh-cho-phat-trien-ben-vung>. Truy cập ngày 01/05/2022.

²⁴⁷Nguyễn Quang Huy, 'Trái-phiếu xanh - công cụ sáng tạo của thị trường tài chính thế giới và đề xuất một số chính sách đối với Việt Nam' (27/12/2021). Thông tin có tại: <https://kinhthetrunguoc.vn/web/guest/nghien-cuu-trao-doi/trai-phiieu-xanh-cong-cu-sang-tao-cua-thi-truong-tai-chinh-th.html>. Truy cập ngày: 01/03/2022.

²⁴⁸Đỗ Nga, 'Thúc đẩy xu hướng chuyển dịch đầu tư cho các ngành kinh tế xanh', Báo Công Thương, (2021). Thông tin có tại: <https://congthuong.vn/thuc-day-xu-huong-chuyen-dich-dau-tu-cho-cac-nganh-kinh-te-xanh-169803.html>. Truy cập ngày 30/01/2022.

trách nhiệm giám sát, giải quyết khiếu nại, vướng mắc của nhà đầu tư trong lĩnh vực môi trường và dự án đầu tư²⁴⁹. Tuy nhiên, dường như UBND cấp tỉnh ở nhiều địa phương còn thiếu chủ động trong việc xây dựng, công khai các phương án, kế hoạch, tiêu chí chọn lọc và thu hút dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường trên địa bàn. Luật BVMT 2020 đã ghi nhận cộng đồng dân cư được quy định là một chủ thể trong công tác bảo vệ môi trường và yêu cầu tăng cường công khai thông tin, tham vấn, phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong các hoạt động bảo vệ môi trường. Quy định này nhằm khẳng định một trong những mục tiêu xuyên suốt của Luật BVMT 2020 là bảo vệ sức khỏe người dân, đảm bảo người dân được sống trong môi trường trong lành. Tuy nhiên, trên thực tế cộng đồng dân cư còn chưa được phát huy một cách thực chất, hiệu quả đối với công tác tham vấn môi trường.

1.3. Đầu tư với tạo việc làm và chất lượng việc làm

Nếu các hoạt động đầu tư không gắn với nâng cao tay nghề tốt hơn hay cải thiện về đời sống, quyền của những người lao động thì giá trị FDI thu hút được sẽ có giá trị thấp²⁵⁰, kèm theo năng suất lao động không cao, và không bảo đảm được quyền lợi của người lao động ngày một tốt hơn theo Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc. Theo một nghiên cứu của Ban Kinh tế Trung ương kết hợp với Cơ quan hợp tác phát triển Hoa Kỳ (USAID), nhiều doanh nghiệp đang tìm cách vượt qua các quy định lao động để giảm chi phí lao động. Một khuyến nghị chính sách được đề xuất là gắn tốc độ tăng lương tối thiểu với tốc độ tăng năng suất lao động và cho phép tự do thương lượng ở từng doanh nghiệp dựa trên tốc độ tăng năng suất lao động, đồng thời cần có chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư để tăng kỹ năng lao động và năng suất lao động cho người lao động Việt Nam²⁵¹. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và vốn FDI đầu tư vào giáo dục để phát triển giá trị lao động tại Việt Nam chưa nhiều.

2. Lao động

2.1. Quan hệ lao động

²⁴⁹Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Điều 160. Luật Đầu tư 2020. Điều 69, Điều 70.

²⁵⁰Ngân hàng Thế giới, ‘Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030’, Trang 36.

²⁵¹Ban Kinh tế Trung ương – USAID, ‘Chuẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam’. Trang 203.

Ngân hàng Thế giới, ‘Chiến lược và Định hướng Chiến lược Thu hút FDI thế hệ mới, giai đoạn 2018-2030’. Trang 40. Đặng Nguyên Anh, ‘Thị trường lao động - việc làm và quan hệ lao động trong điều kiện hội nhập ở Việt Nam: Thực trạng và một số định hướng chính sách’, Trang Thông tin điện tử Hội đồng Lý luận Trung ương, (2021). Thông tin có tại: <http://hdll.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/thi-truong-lao-dong---viiec-lam-va-quan-he-lao-dong-trong-dieu-kien-hoi-nhap-o-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-dinh-huong-chinh-sach---%E2%80%8B.html>. Truy cập ngày 28/01/2022.

Quan hệ lao động đề cập đến các thiết chế, cơ chế đối thoại và thương lượng tập thể giữa NLD, các tổ chức đại diện của NLD (gồm Công đoàn cơ sở và tổ chức đại diện của NLD tại doanh nghiệp) và người sử dụng lao động; và thiết chế giải quyết tranh chấp lao động²⁵². Trong những năm gần đây, các vấn đề bất cập còn tồn tại ở Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Quan hệ lao động bao gồm: Quyền thành lập tổ chức đại diện của NLD còn hạn chế; Đối thoại tại nơi làm việc và thương lượng tập thể chưa thực chất; Thiết chế giải quyết tranh chấp lao động chưa hiệu quả; Thực trạng NSDLĐ chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vẫn còn phổ biến

2.2. Điều kiện lao động

Trong một số trường hợp, Tiền lương chưa thỏa đáng và vẫn còn bất bình đẳng về giới; Việc làm thêm giờ bị lạm dụng; Chính sách bảo vệ thai sản chưa bảo đảm; Điều kiện làm việc chưa đảm bảo an toàn; Quyền được hưởng an sinh xã hội chưa được bảo đảm

2.3. Lao động trẻ em

Tình trạng quan hệ lao động có trẻ em tham gia thường không có ký kết HĐLĐ bằng văn bản theo quy định của BLLĐ 2019. Phần lớn, quan hệ lao động thông qua hợp đồng bằng lời nói nên khó khăn trong việc ràng buộc pháp lý. Đối với các trường hợp có ký kết HĐLĐ bằng giấy cũng không quy định rõ thời gian làm việc, chế độ nghỉ ngơi. Nhiều cơ sở sử dụng lao động trẻ em không đăng ký khai với cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định pháp luật²⁵³.

3. Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

3.1. Trẻ em

Ngoài vấn đề lao động trẻ em đã được phân tích ở trên, một số vấn đề khác về thực hành kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến trẻ em đang có các bất cập chính như sau:

3.1.1. Truyền thông, quảng cáo và tiếp thị cho trẻ em là một lĩnh vực kinh doanh đang phát triển mạnh tại nhiều nơi trên thế giới, thu hút sự chú ý của các bậc cha mẹ, cơ quan quản lý. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này thường tận dụng

²⁵²Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’.

²⁵³BỘ LĐ-TB&XH, ‘Báo cáo tổng kết thi hành Bộ luật Lao động 2012 (Giai đoạn 2013-2017)’. Trang 42.

sức ảnh hưởng của trẻ em tới xu hướng tiêu dùng của cha mẹ (yếu tố mè nheo²⁵⁴). Trẻ em thiếu nhận thức phản biện để đánh giá các thông điệp quảng cáo và thường có xu hướng chấp nhận những thông tin quảng cáo là trung thực và chính xác²⁵⁵.

Xu hướng trẻ em tiếp cận các thông tin trên internet ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh trẻ em phải học trực tuyến trong một khoảng thời gian dài theo yêu cầu của công tác phòng chống đại dịch Covid-19. Nguy cơ trẻ em có thể bị lạm dụng và bóc lột trực tuyến, đặc biệt tại các gia đình bố mẹ không thể làm việc tại nhà để giám sát việc truy cập internet của trẻ em. Theo một số nghiên cứu, trẻ em Việt Nam tiếp cận sớm nhiều nền tảng truyền thông xã hội (như YouTube, Facebook, Instagram, Zalo) và các website bán hàng trực tuyến (như Shopee, Lazada...). Trong khi trẻ em dễ bị thuyết phục bởi quảng cáo hơn người lớn. Vấn đề đặt ra các doanh nghiệp cung cấp nền tảng truyền thông xã hội, các sàn giao dịch thương mại điện tử, các doanh nghiệp quảng cáo và các doanh nghiệp bán hàng trực tuyến cần phải có các biện pháp giám sát các quảng cáo có thân thiện với trẻ em hay không²⁵⁶.

3.1.2. Khảo sát của VCCI và UNICEF (2021) cho biết nhiều sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ ở Việt Nam, như hàng may mặc, du lịch chưa chú trọng tới sự an toàn và thân thiện với trẻ em, như 46% doanh nghiệp dệt may không giới hạn độ tuổi sử dụng sản phẩm hay in nhãn mác và hướng dẫn sử dụng cung cấp thông tin về sự an toàn của trẻ em²⁵⁷.

Luật Trẻ em 2016 quy định nghiêm cấm các hành vi liên quan đến hoạt động tiêu dùng nhằm bảo vệ trẻ em khỏi các sản phẩm không phù hợp với lứa tuổi như rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích và thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em²⁵⁸. Theo Báo cáo điều tra SDGCW (năm 2020 - 2021), cứ 10 thanh thiếu niên nam²⁵⁹ thì có gần 2 em đã từng hút thuốc lá và 1 em đang hút thuốc lá. Đối với hành vi uống đồ có cồn, cứ 4 thanh thiếu niên nam thì có hơn 1 em

²⁵⁴Yếu tố mè nheo (hay “Nag Factor”) là xu hướng của trẻ em, những đối tượng tiếp cận nhiều với những thông điệp của các đơn vị tiếp thị, không ngừng yêu cầu mua các mặt hàng được quảng cáo. Theo Holly K. M. Henry & Dina L. G. Borzekowski, ‘The Nag Factor’, Journal of Children and Media, (2011). Trang 298-317.

²⁵⁵UNICEF, Children are everyone’s business: workbook 2.0. Trang 36.

²⁵⁶VCCI-UNICEF, ‘Báo cáo khảo sát việc thực hiện quyền trẻ em của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam’. Trang 20.

²⁵⁷Nt. Trang 19, 35.

²⁵⁸Luật Trẻ em 2016, luật số 102/2016/QH13. Điều 6 quy định: bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em là một trong các hành vi bị nghiêm cấm.

²⁵⁹Theo báo cáo này, số liệu được thu thập từ các thanh thiếu niên từ 15-19 tuổi. Trong khi đó, sử dụng thuốc lá và đồ uống có cồn dưới 18 tuổi là hành vi bị cấm ở Việt Nam.

đã uống đồ uống có cồn trong tháng trước điều tra²⁶⁰.

3.2. Người khuyết tật

Theo Điều tra quốc gia người khuyết tật Việt Nam năm 2016, NKT chiếm hơn 7% dân số 2 tuổi trở lên (khoảng hơn 6,2 triệu người). Tỷ lệ khuyết tật trẻ em từ 2 đến 17 tuổi là 2,83% và người lớn là 8,67%, 13% dân số (gần 12 triệu người) sống chung trong hộ gia đình có NKT²⁶¹.

Luật NKT 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định bảo vệ quyền của NKT và trách nhiệm của Nhà nước, gia đình và xã hội. Tuy nhiên, việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm với NKT có phát sinh một số bất cập trên thực tế như (i) đào tạo nghề cho lao động NKT; (ii) rào cản trong tiếp cận việc làm của NLD là NKT; (iii) ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng lao động NKT; (iv) đảm bảo môi trường làm việc cho NKT; (v) quyền tiếp cận của NKT tới các công trình công cộng, các dự án bất động sản chưa được chú trọng và các bất cập khác.

3.3. Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên tính (LGBTI)

Hiến pháp khẳng định mọi công dân đều có quyền làm việc là tự do nguyện vọng nghề nghiệp và được trả lương, đối xử bình đẳng, đặc biệt là nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới²⁶². BLLĐ 2019 cũng như là các quy định trước đây đều nghiêm cấm việc phân biệt đối xử trong lao động, trong đó nghiêm cấm việc phân biệt đối xử về giới²⁶³. Tuy nhiên, đối tượng thuộc nhóm LGBTI có nguy cơ và thường xuyên phải đối diện với phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới²⁶⁴. Về cơ bản, người LGBTI có các quyền như các đối tượng khác trong xã hội và được phân chia thành hai nhóm: (1) nhóm quyền chung (áp dụng chung cho đối tượng LGBTI và các đối tượng khác trong xã hội) và (2) nhóm quyền đặc thù (quyền dành cho người chuyển giới và liên tính). Luật Bình đẳng giới 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan hướng đến mục tiêu tạo sự ngang bằng giữa nam và nữ về mọi mặt. Tuy nhiên, Luật Bình đẳng giới 2006 chỉ mới xác định giới tính là: nam và nữ, chưa

²⁶⁰Tổng cục Thống kê Việt Nam và Văn phòng Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, 'Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 Thanh thiếu niên', (2021). Trang 2.

²⁶¹Tổng cục Thống kê, 'Điều tra Quốc gia người khuyết tật năm 2016', (2018). Thông tin có tại: https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/03/__trashed-4/. Truy cập ngày 11/03/2022. Trang 14.

²⁶²Hiến pháp 2013, Điều 16, 26 và 35.

²⁶³Bộ luật Lao động 2019, Điều 8; Bộ luật Lao động 2012, Điều 8.

²⁶⁴Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), 'Báo cáo nghiên cứu "Có phải bởi vì tôi là LGBT?" Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam', Nxb. Hồng Đức, (2016). Thông tin có tại: https://www.vn.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Publications/iSEE_Nghien+cuu+PBDX+dua+tren+SOGI_VN.pdf. Truy cập ngày 08/03/2022.

phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay về xu hướng tính dục và bản dạng giới. Các xu hướng tính dục và bản dạng giới cần được thừa nhận để đảm bảo sự bình đẳng phổ quát từ đó tạo cơ sở pháp lý cho các văn bản pháp lý khác có những quy định cụ thể phù hợp. Quy định pháp luật chưa ghi nhận sự bình đẳng giữa các xu hướng tính dục, bản dạng giới, cụ thể không có quy định đặc thù riêng liên quan đến quyền lao động của người chuyển giới nói riêng và LGBTI nói chung²⁶⁵.

4. Bảo vệ môi trường

4.1. Xử lý ô nhiễm môi trường được xem là nội dung trọng tâm cũng như mục đích hướng đến của hệ thống pháp luật môi trường, được ưu tiên trong chính sách của nhà nước về bảo vệ môi trường²⁶⁶. Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc (UNHRC) cũng đưa ra khuyến nghị về quyền môi trường cho Việt Nam trong đó đề xuất cần tăng cường các nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghiệp hoá lên môi trường và đảm bảo quyền được hưởng nước sạch; ưu tiên đầu tư vào tăng cường hiệu quả xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt và công nghiệp để bảo vệ môi trường tốt hơn²⁶⁷.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu từ các cơ sở sản xuất công nghiệp nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và các cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp với khối lượng khoảng 25 triệu tấn/năm, chưa tính đến số lượng chất thải rắn của các doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp và khối lượng đất, bùn thải từ hoạt động khai thác khoáng sản, hoạt động làng nghề. Bên cạnh đó, lượng chất thải nguy hại từ công nghiệp phát sinh trong năm 2019 khoảng 1.133.077 tấn (tăng 258.688 tấn so với năm 2018) tập trung chủ yếu ở các ngành công nghiệp nhẹ, luyện kim, hoá chất, ngoài ra còn có một phần từ hoạt động nhập khẩu bất hợp pháp phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (săm lốp ô tô, vỏ ô tô, tàu biển chưa làm sạch tạp chất,...)²⁶⁸.

Công tác BVMT tại các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) và làng nghề cần phải có kế hoạch, phương án giải quyết. Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các KCN (bao gồm cả các khu chế xuất) có nhiều chuyển biến tích cực. Trên 90% KCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung và hầu hết

²⁶⁵ Quyền lao động của người chuyển giới tại Việt Nam hiện nay’.

²⁶⁶ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Điều 5, khoản 4.

²⁶⁷ Bộ Tư pháp – UNDP Việt Nam, ‘Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm’. Trang 72.

²⁶⁸ Bộ Tài nguyên và Môi trường, ‘Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 –2020’, Trang 40- 42.

các KCN này có lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động²⁶⁹. Tuy nhiên, chỉ có 17,2% CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong số đó, chỉ có 39,2% đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, khoảng 60% số CCN đang hoạt động chưa lập báo cáo ĐTM. Như vậy, các CCN này chưa thể có các biện pháp BVMT cụ thể, đặt ra nhiều thách thức đối với công tác BVMT. Bên cạnh đó, hoạt động BVMT ở các làng nghề cũng cần phải được quan tâm đúng mức. Trong tổng số 4.575 làng nghề hiện tại, chỉ có 16,1% làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT trong khi đó nước thải từ các làng nghề trực tiếp ra hệ thống kênh, rạch chung tác động xấu tới cảnh quan, ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ làng nghề có điểm thu gom chất thải rắn công nghiệp chỉ đạt xấp xỉ 21%. Ngoài ra, hoạt động sản xuất ở các làng nghề cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, đặc biệt là việc sử dụng nguồn nhiên liệu than²⁷⁰.

Việc xử lý nước thải, chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xử phạt hành vi vi phạm đã được quy định cụ thể nhưng công tác thực thi của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) chưa thực sự nghiêm túc.

4.2. Biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực mang tính đa diện đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gây ra tình trạng gián đoạn sản xuất, kinh doanh, giảm năng suất lao động, giảm doanh thu, gián đoạn kênh vận chuyển, tăng chi phí sản xuất, đình trệ mạng lưới phân phối, giảm chất lượng sản phẩm, thiệt hại cơ sở vật chất, thiếu hụt nhân lực và gây thiếu nguồn cung nguyên vật liệu. Theo một nghiên cứu của VCCI và Quỹ Châu Á, 54% doanh nghiệp được khảo sát cho biết đã bị gián đoạn sản xuất kinh doanh do thiên tai; 51% số doanh nghiệp cũng bị giảm năng suất lao động do thời tiết khắc nghiệt và suy giảm doanh thu; 33% doanh nghiệp từng gặp khó khăn do vùng nguyên liệu sản xuất bị thiệt hại²⁷¹... Các doanh nghiệp trong nước chịu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu nhiều hơn doanh nghiệp FDI ở tất cả các vùng.

Thực tiễn này cho thấy các doanh nghiệp đều phải có trách nhiệm tích cực tham gia vào ứng phó biến đổi khí hậu để hạn chế tối đa thiệt hại cho doanh nghiệp và xã hội.

²⁶⁹Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 -2020, 2021. Trang 11

²⁷⁰Nt. Trang 12 – 15.

²⁷¹VCCI và Quỹ châu Á, Báo cáo ‘Thích ứng để thành công - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với doanh nghiệp Việt Nam’ (2020), tr. 15. Báo cáo tập hợp phản hồi của hơn 10.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở tất cả 63 tỉnh thành trên cả nước. Trong đó có hơn 8.000 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước và gần 1.600 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây có thể xem là cuộc điều tra doanh nghiệp có quy mô lớn nhất từ trước đến nay về chủ đề rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Thông tin có tại: https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2020/10/Adapting-to-Succeed_Assessing-the-Impact-of-Climate-Change-on-Vietnamese-Businesses_VN_2020.pdf. Truy cập ngày 25/01/2022.

4.3. Với tư cách là thành viên của CPTPP, Việt Nam cần thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong các chủ đề có liên quan đến bảo vệ môi trường²⁷². Luật BVMT 2020 quy định người dân có quyền được biết thông tin về dự án và được tham gia quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng như giám sát các vấn đề môi trường. Trong giai đoạn trước đây, người dân khó khăn trong việc tiếp cận thông tin về các dự án trước khi xây dựng, số lượng dự án được cấp phép không nhiều.

Quy định của Luật BVMT 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã làm rõ ràng hơn phạm vi các thông tin về môi trường cần phải giữ bí mật theo Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước 2018²⁷³. Tuy nhiên, Luật BVMT trước đây và Luật BVMT 2020 hiện hành không quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin môi trường dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không chủ động công khai thông tin môi trường²⁷⁴. Do đó, cần phải có thêm các giải pháp để thúc đẩy doanh nghiệp công khai thông tin môi trường cho người dân.

5. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

5.1. Luật BVQLNTD 2010 đã có quy định đối với người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trong việc cung cấp thông tin cho NTD²⁷⁵. Tuy nhiên, Luật BVQLNTD 2010 chỉ cấm bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ cung cấp thông tin không đầy đủ, sai lệch, không chính xác đối với NTD²⁷⁶ mà chưa có quy định cụ thể cấm bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin sai lệch, không chính xác, dễ gây hiểu nhầm đối với NTD. Theo báo cáo của Cục CT&BVNTD, trong 343 phản ánh, khiếu nại về hoạt động thương mại điện tử kéo dài từ năm 2019 đến đầu tháng 03/2020, số vụ việc có dấu hiệu liên quan đến việc chưa tuân thủ pháp luật BVQLNTD về cung cấp thông tin là 194 vụ việc, chiếm 57% tổng số vụ việc²⁷⁷.

5.2. Theo Luật BVQLNTD 2010, bảo hành hàng hóa có thể xuất phát (i) từ sự thỏa thuận giữa các bên, hoặc (ii) pháp luật quy định hàng hóa bắt buộc phải bảo

²⁷²CPTPP. Điều 20.7 và 20.8.

²⁷³Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước 2018, luật số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 do Quốc hội ban hành Điều 7, khoản 6.

²⁷⁴Xuân Long, ‘Sửa Luật Bảo vệ môi trường, cần thêm quy định về công khai báo cáo đánh giá môi trường’, Tuổi trẻ, (2020). Thông tin có tại: <https://tuoitre.vn/sua-luat-bao-ve-moi-truong-can-them-quy-dinh-ve-cong-khai-bao-cao-danh-gia-moi-truong-20201102155231989.htm>. Truy cập ngày 22/02/2022.

²⁷⁵Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010. Luật số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010 do Quốc hội ban hành, Điều 12, Điều 13.

²⁷⁶Nt. Điều 10.

²⁷⁷Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công Thương, ‘Báo cáo giám sát thi hành pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với một số doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử’, (2021). Trang 60.

hành²⁷⁸. Luật quy định nghĩa vụ của người bán là cung cấp thông tin về điều kiện, thời hạn, địa điểm, thủ tục bảo hành trong trường hợp hàng hóa bán cho NTD nếu hàng hóa có bảo hành²⁷⁹. Ngoài ra, Luật BVQLNTD 2010 cũng đặt ra yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá có trách nhiệm phải thu hồi hàng hóa có khuyết tật. Việc thu hồi hàng hóa phải được thực hiện ngay sau khi phát hiện ra khuyết tật hàng hóa. Trong trường hợp, hàng hóa khuyết tật gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của NTD thì người bán có nghĩa vụ phải bồi thường cho NTD đó cho dù người bán không có lỗi hoặc không biết về sự khuyết tật của hàng hóa²⁸⁰.

Nếu tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hoá không thực hiện các nghĩa vụ bảo hành hàng hoá hay thu hồi hàng khuyết tật như đã nêu ở trên thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tùy thuộc vào hành vi và mức độ vi phạm²⁸¹. Theo thống kê của Cục CT&BVNTD, số cuộc gọi đến tổng đài tư vấn, hỗ trợ NTD 1800.6838 có một sự tăng trưởng mạnh từ hơn 11.000 cuộc gọi vào năm 2020 lên con số hơn 13.000 cuộc gọi vào năm 2021²⁸². Trong đó, tỷ lệ số vi phạm liên quan đến trách nhiệm bảo hành hàng hóa, linh kiện, phụ kiện có sự tăng trưởng cao ở mức 5.5% vào năm 2020²⁸³ lên mức 9.8% vào năm 2021²⁸⁴. Đa phần các hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo hành bao gồm hành vi từ chối thực hiện bảo hành, không thực hiện nghĩa vụ bảo hành, không cung cấp giấy bảo hành²⁸⁵. Con số trên minh chứng cho một thực trạng các quy định liên quan đến cung cấp bằng chứng giao dịch, bảo hành, thu hồi hàng hóa khuyết tật được thiết kế lỏng lẻo và sơ sài khiến các chủ thể liên quan gặp khó trong việc thực hiện²⁸⁶.

5.3. BLDS 2015 yêu cầu các bên trong hợp đồng có trách nhiệm bảo mật thông tin và không sử dụng thông tin mật vào mục đích riêng của mình hoặc mục đích trái pháp luật²⁸⁷. Vấn đề này cũng được quy định tại Luật Thương mại 2005, theo đó, bên

²⁷⁸Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Điều 12, khoản 5.

²⁷⁹Nt. Điều 21.

²⁸⁰Nt. Điều 22, 23.

²⁸¹Nghị định 98/2020/NĐ-CP, Điều 57.

²⁸²Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, ‘Báo cáo thường niên năm 2021’, tr. 37.

²⁸³Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, ‘Báo cáo thường niên năm 2020’, tr. 52.

²⁸⁴Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, ‘Báo cáo thường niên năm 2021’, tr. 41.

²⁸⁵Trung tâm thông tin, tư vấn và đào tạo, Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, ‘Tình hình hoạt động tiếp nhận, tư vấn và giải quyết yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của người tiêu dùng tại Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng năm 2020’, Trang thông tin điện tử Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng – Bộ Công thương, (2021). Thông tin có tại: http://www.vcca.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=9343771e-96be-48b5-a35d-b8ea9bc1aa93&id=ac93f7fb-5909-4452-a1bd-ee55e87565b4.

²⁸⁶Lê Anh, ‘Góc nhìn đại biểu: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử’, Trang thông tin điện tử Quốc hội (2021), <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=56552>. Truy cập ngày 03/03/2022.

²⁸⁷Bộ luật Dân sự 2015. Điều 387, khoản 2.

cung ứng dịch vụ có nghĩa vụ giữ bí mật về thông tin mà mình biết được trong quá trình cung ứng dịch vụ nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định²⁸⁸. Trong khi đó, Luật BVQLNTD 2010 quy định NTD phải được bảo vệ thông tin. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân muốn thu thập, sử dụng thông tin của NTD thì phải thông báo và công khai trước khi thực hiện. Việc sử dụng thông tin của NTD phải có sự đồng ý của NTD²⁸⁹. Nếu không bảo vệ thông tin NTD theo quy định pháp luật, tổ chức, cá nhân có thể bị xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện đang có một số bất cập như quy định về bảo vệ thông tin cá nhân chưa có sự đồng bộ giữa BLDS 2015, Luật Công nghệ thông tin 2006, Luật An toàn thông tin mạng 2015, Luật BVQLNTD 2010 với Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 90/2010/NĐ-CP, Nghị định 185/2013/NĐ-CP, Nghị định 124/2014/NĐ-CP, và Nghị định 15/2020/NĐ-CP²⁹⁰; thiếu quy định về thu thập thông tin NTD nằm ngoài không gian mạng. Ngoài trừ các quy định về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng²⁹¹, pháp luật Việt Nam vẫn còn thiếu quy định bảo vệ thông tin liên quan đến sinh trắc học như vân tay, khuôn mặt, giọng nói; thiếu quy định về thu thập thông tin đối với trẻ em; thiếu quy định cho phép NTD có quyền để yêu cầu bên thu thập, sử dụng thông tin đó xóa, gỡ bỏ thông tin cá nhân của mình; và chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với chủ thể có hành vi sai trái trong việc thu thập và sử dụng thông tin của NTD. Thực tế cho thấy, NTD luôn phải cung cấp các thông tin của mình cho các doanh nghiệp, các thông tin này dễ dàng bị khai thác và xâm phạm với nhiều mục đích khác nhau như đánh cắp, tiết lộ trái phép, trở thành tài sản bị mua bán. Theo thống kê trong Quý II năm 2017 của Công ty Kaspersky Lab, Việt Nam trở thành quốc gia có nguồn thư rác đứng đầu thế giới (12,37%)²⁹².

5.4. Trong hoạt động thương mại điện tử, pháp luật cũng đặt ra thêm các quy định về việc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện đối về quyền lợi NTD. Các sàn giao dịch thương mại điện tử được yêu cầu công bố công khai cơ chế giải quyết tranh

²⁸⁸Luật Thương mại 2005, Điều 78, khoản 4.

²⁸⁹Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010. Điều 6; Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 69, 70, 72.

²⁹⁰Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, ‘Báo cáo Kết quả rà soát quy định pháp luật đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư’, (2020). Trang 23.

²⁹¹ Nghị định 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng.

²⁹²Lê Thị Diễm Hằng, Ngô Hà Chi, Nguyễn Hà Giang, Trần Mai Huyền, ‘Nhận diện cơ bản về thông tin cá nhân và hành vi xâm phạm thông tin cá nhân’, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, (2022). Thông tin có tại: <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/phap-luat/nhan-dien-co-ban-ve-thong-tin-ca-nhan-va-hanh-vi-xam-pham-thong-tin-ca-nhan5893.html>.

chấp phát sinh trong quá trình giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử²⁹³. Theo đó, nếu phát sinh tranh chấp thì sàn giao dịch thương mại điện tử có nghĩa vụ cung cấp thông tin người bán và tích cực hỗ trợ NTD giải quyết tranh chấp với người bán. Ngoài ra, sàn giao dịch thương mại điện tử nếu có chức năng đặt hàng trực tuyến thì cần phải bố trí đầu mối tiếp nhận yêu cầu và cung cấp thông tin trực tuyến cho cơ quan Nhà nước về các đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; đại diện cho người bán nước ngoài giải quyết khiếu nại của NTD; là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của NTD nếu có nhiều hơn 02 bên tham gia²⁹⁴. Việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại điện tử cũng vẫn được thực hiện thông qua thương lượng giữa các bên, hòa giải, trọng tài hoặc tòa án tương tự như ở Luật BVQLNTD 2010²⁹⁵.

Pháp luật cũng đã có quy định sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp²⁹⁶. Từ thực tiễn tốt của một số quốc gia phát triển cho thấy, cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến (ODR) có nhiều ưu điểm vượt trội so với cơ chế giải quyết tranh chấp truyền thống trong việc BVQLNTD²⁹⁷. Tuy nhiên, các quy định cụ thể về xây dựng ODR áp dụng trong 4 phương thức giải quyết tranh chấp về QLNTD chưa được rõ ràng.

6. Các biện pháp khắc phục

6.1. Lĩnh vực đầu tư

Theo quy định của pháp luật hiện nay, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng từ hệ quả tiêu cực của các quyết định hành chính cá biệt về việc cấp phép đầu tư (như cấp chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư...) thì có thể thực hiện một số hoạt động bảo vệ quyền của mình thông qua phương thức khiếu nại hoặc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trong trường hợp phát hiện việc ban hành quyết định hành chính cá biệt có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tổ chức, cá nhân có thể tố cáo hành vi vi phạm đó.

6.2. Lĩnh vực lao động

Xuất phát từ bản chất của quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường, mâu thuẫn giữa người lao động và người sử dụng lao động là điều tất yếu, và những mâu

²⁹³Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Điều 36, khoản 10.

²⁹⁴Nt. Điều 36, khoản 11.

²⁹⁵Nt. Điều 76.

²⁹⁶Nt. Điều 76, khoản 5, điểm a.

²⁹⁷Nguyễn Thành Minh Chánh, 'Phương thức giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử tại Việt Nam', Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 21 (445), (2021). Trang 38.

thuần có thể thể hiện thành tranh chấp²⁹⁸. Đối với tranh chấp lao động cá nhân, theo thống kê của Tòa án nhân dân Tối cao, số vụ tranh chấp lao động cá nhân được giải quyết những năm gần đây có xu hướng giảm. Khi tính cả số tranh chấp lao động cá nhân được giải quyết qua các phương thức hòa giải lao động, khiếu nại qua thanh tra lao động thì số tranh chấp lao động cá nhân sẽ còn tăng lên.

Về biện pháp khắc phục tư pháp, đối với tranh chấp lao động tập thể, BLLĐ 2019 quy định Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp lao động tập thể về quyền mà không có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp lao động tập thể về lợi ích²⁹⁹. Khi một tranh chấp lao động tập thể về quyền xảy ra, tranh chấp này trước hết phải được giải quyết qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động. Nếu quá thời hạn luật định mà hòa giải viên lao động không hòa giải hoặc hòa giải không thành thì NLD được lựa chọn đưa tranh chấp ra giải quyết tại Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án³⁰⁰. Tuy nhiên, do một số hạn chế đối với hệ thống hòa giải như được trình bày trong các mục tiếp theo, NLD không tin nhiệm hệ thống này nên tranh chấp sẽ không thể được đưa ra Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án.

Do đó, để giải quyết tranh chấp có hiệu quả, thủ tục hòa giải cần phải tiến hành ở tất cả các giai đoạn trong quá trình giải quyết tranh chấp của vụ án lao động, đảm bảo và nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải; đồng thời đề cao mục đích của việc giải quyết tranh chấp lao động là nhằm hướng tới việc duy trì quan hệ lao động nên thủ tục hòa giải cần được chú trọng đúng mức.

Về biện pháp khắc phục phi tư pháp, công tác giải quyết khiếu nại lao động của thanh tra lao động, hòa giải lao động cũng như cơ chế giải quyết vướng mắc, tranh chấp lao động trong nội bộ doanh nghiệp cũng còn một số hạn chế.

6.3. Lĩnh vực bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

Các quy định pháp luật Việt Nam có nhiều tiến bộ để bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với nhóm này. Thực tiễn này có những nguyên nhân khác nhau.

6.4. Lĩnh vực môi trường

²⁹⁸ILO, ‘Labour Dispute Systems – Guideline for improved performance, 2013’. (2013). Thông tin có tại: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_dialogue/---dialogue/documents/publication/wcms_211468.pdf. Truy cập ngày 16/06/2022.

²⁹⁹Bộ luật Lao động 2019, Điều 191, khoản 1, điểm c; Điều 195, khoản 1.

³⁰⁰Nt. Điều 192, khoản 2.

Các cơ chế khắc phục trong lĩnh vực môi trường trong một số trường hợp còn chưa hiệu quả, cụ thể.

6.5. Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Nhận thức của NTD về pháp luật BVQLNTD còn chưa được tốt. Qua các cuộc khảo sát chỉ có khoảng 15% NTD được đọc Luật BVQLNTD, số còn chưa biết Luật BVQLNTD nên chưa thực hiện được quyền bảo vệ của mình³⁰¹. Ngoài ra, việc nâng cao ý thức của NTD về tiêu dùng bền vững là một vấn đề cần được giải quyết³⁰², như sử dụng sản phẩm, hàng hoá tiết kiệm năng lượng, bảo vệ sức khoẻ, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá có cam kết không bóc lột lao động trẻ em, không cưỡng bức lao động và chống các ảnh hưởng tiêu cực tới trẻ em... Các vấn đề có liên quan đến tiêu dùng bền vững cũng đã được đề cập tại các chương về Đầu tư chọn lọc, Lao động, Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương và Bảo vệ môi trường.

³⁰¹Lê Anh, ‘Góc nhìn đại biểu: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường thương mại điện tử’.

³⁰²Bộ Công Thương, ‘Báo cáo tổng kết thi hành Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng 2010’.

PHẦN 3. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT NHẪM THÚC ĐẨY THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM TẠI VIỆT NAM

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ KẾT CẤU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Chương trình

1.1. Bám sát quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập quốc tế, phát triển bền vững, bao trùm để không ai bị bỏ lại ở phía sau; thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp, góp phần thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp quốc.

1.2. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam tại các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2. Mục tiêu của Chương trình

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức, năng lực; hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật (trong đó có nâng cao hiệu quả và thúc đẩy việc tiếp cận các biện pháp khắc phục) nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam để phát huy các mặt tích cực và giảm thiểu các mặt tiêu cực của các hoạt động phát triển kinh tế, kinh doanh đối với xã hội, môi trường (tập trung vào các lĩnh vực đầu tư, môi trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người tiêu dùng và các nhóm yếu thế), qua đó góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

2.1. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng về thực hành kinh doanh có trách nhiệm; góp phần thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Đảm bảo Nhà nước ban hành chính sách và pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo đúng các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; xây dựng các biện pháp ưu tiên, khuyến khích đối với các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

- Đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ đúng các quy định pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm; khuyến khích các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm trên mức quy định của pháp luật; qua đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp ở Việt Nam, bao gồm nâng cao hiệu quả và thúc đẩy việc tiếp cận các biện pháp khắc phục.

- Hoàn thiện các chế tài để xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam.

3. Phạm vi của Chương trình

Việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và quá trình tham vấn với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan cho thấy do sự hữu hạn về nguồn lực, các quốc gia thường xây dựng Chương trình hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong khoảng thời gian 5 năm và chỉ tập trung ưu tiên thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở một số lĩnh vực cụ thể. Ở Việt Nam, các lĩnh vực cần tập trung ưu tiên trước mắt bao gồm: (i) Thu hút đầu tư có chọn lọc; (ii) Bảo vệ môi trường; (iii) Lao động; (iv) Bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương và (v) Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện chính sách và pháp luật không chỉ bao gồm việc hoàn thiện chính sách, pháp luật mà còn phải bao gồm cả việc nâng cao năng lực, nhận thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật do đây là các yếu tố liên kết, gắn bó chặt chẽ với nhau.

Vì vậy, Đề án tập trung vào các giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực; hoàn thiện chính sách, pháp luật và tổ chức thi hành chính sách, pháp luật hiệu quả nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh của doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp và hợp tác xã) trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong giai đoạn 5 năm 2023-2027 (tùy từng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sẽ có các mốc thời gian cụ thể).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và doanh nghiệp, người dân về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

1.1. Tập huấn nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực cho cơ quan, tổ chức có liên quan và doanh nghiệp, người dân về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm; nâng cao năng lực tư vấn pháp luật cho đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý và tư vấn viên tại các trung tâm tư vấn pháp luật của các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội trong các hoạt động liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hiệp hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Việt Nam; các hiệp hội ngành nghề

c) Kết quả đầu ra: Các tài liệu tập huấn, cẩm nang hướng dẫn; báo cáo về hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực; nhận thức, năng lực về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, người dân được nâng cao (thông qua kết quả khảo sát); năng lực tư vấn pháp luật của luật sư, trợ giúp viên pháp lý và tư vấn viên trong các hoạt động liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm (thông qua kết quả khảo sát)

d) Thời hạn hoàn thành: Tháng 12 năm 2027

1.2. Tập huấn nâng cao năng lực kiểm sát, giải quyết các vụ việc có liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm cho đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên

a) Cơ quan chủ trì: Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam

c) Kết quả đầu ra: Các báo cáo về hoạt động tập huấn nâng cao năng lực; năng lực của đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên trong giải quyết các vụ việc có liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm được nâng cao (thông qua kết quả khảo sát)

d) Thời hạn hoàn thành: Tháng 12 năm 2027

1.3. Truyền thông, xây dựng các chuyên mục để tuyên truyền về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm để phát trên các phương tiện thông tin đại chúng

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Các tài liệu tuyên truyền, chuyên mục (video clip, phóng sự, chuyên đề) để tuyên truyền về chính sách, pháp luật về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) Thời hạn hoàn thành: Tháng 12 năm 2027

2. Hoàn thiện chính sách và pháp luật

2.1. Trong lĩnh vực đầu tư

2.1.1. Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong hoạt động mua sắm công

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

b) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Luật Đấu thầu (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2025

2.1.2. Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm (bao gồm: tạo điều kiện cho việc tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại các dự án có sử dụng đất, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư, nhà nước và người dân có liên quan; xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, giải quyết tranh chấp đất đai trong các dự án đầu

tư theo hình thức hoà giải có nhiều bên tham gia một cách hiệu quả để hạn chế được các tranh chấp, khiếu kiện kéo dài)

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

b) *Cơ quan phối hợp:* Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan; các doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề

c) *Kết quả đầu ra:* Luật Đất đai (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2025

2.1.3. Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về thuế, phí, lệ phí để ngăn ngừa và khắc phục hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tài chính

b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện các quy định pháp luật về thuế, phí, lệ phí để ngăn ngừa và khắc phục hiện tượng chuyển giá của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đề xuất, kiến nghị (nếu có)

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2025

2.1.4. Nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các biện pháp ưu đãi thuế nhằm khuyến khích doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm (trong nội bộ doanh nghiệp và trong các chuỗi cung ứng)

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tài chính

b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo đề xuất các biện pháp ưu đãi thuế nhằm khuyến khích doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2026

2.2. Trong lĩnh vực lao động

2.2.1. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các luật, quy định liên quan đến việc thúc đẩy và bảo vệ quyền lao động, phúc lợi, tuyển dụng, sử dụng, quản lý lao động và an sinh xã hội để tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế (gồm: Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn thi hành)

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Báo cáo kết quả rà soát và đề xuất, kiến nghị (nếu có)

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2025

2.2.2. Nghiên cứu xây dựng chính sách về bảo vệ việc làm, đào tạo lại người lao động và bảo vệ quyền lợi của người lao động tự do (như lái xe công nghệ) trong mối quan hệ với các công ty nền tảng trong bối cảnh chuyển đổi số; nghiên cứu xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp (để phát huy vai trò đại diện cho người lao động trong thực hành kinh doanh có trách nhiệm)

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Báo cáo rà soát, nghiên cứu và đề xuất, kiến nghị (nếu có)

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2025

2.3. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

2.3.1. Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan bình đẳng giới; chống phân biệt đối xử và bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương trong hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, gồm: Luật Bình đẳng giới năm 2006, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Trẻ em 2016... và các văn bản hướng dẫn thi hành

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hội Người khuyết tật Việt Nam các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Các báo cáo nghiên cứu, rà soát và đề xuất, kiến nghị liên quan trình cơ quan có thẩm quyền

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2025

2.3.2. Hoàn thiện đề nghị xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính để triển khai thi hành Điều 37 Bộ luật Dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhóm LGBTI

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Y tế

b) *Cơ quan phối hợp:* Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo về việc đề nghị xây dựng Luật Chuyển đổi giới tính

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2025

2.4. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Nghiên cứu, rà soát pháp luật và đề xuất việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm (gồm: hướng dẫn về phương pháp tính toán mức độ bồi thường thiệt hại trong những trường hợp doanh nghiệp gây ô nhiễm về độ ồn, ánh sáng và không khí; đề xuất xây dựng chính sách, quy định pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế đối thoại, trọng tài và hòa giải chuyên ngành môi trường)

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tài nguyên và Môi trường

b) *Cơ quan phối hợp:* Tòa án nhân dân tối cao, các Bộ ngành, cơ quan tham gia tố tụng, cơ quan và tổ chức tham gia vào hoạt động hỗ trợ tư pháp

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo nghiên cứu, rà soát và đề xuất, kiến nghị liên quan (nếu có) trình cơ quan có thẩm quyền

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2025

2.5. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

2.5.1. Rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện dự án Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm (bao gồm đề xuất xây dựng chính sách, quy định pháp luật để thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế đối thoại, trọng tài và hòa giải chuyên ngành bảo vệ người tiêu dùng)

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Công Thương

b) *Cơ quan phối hợp:* Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2025

2.5.2. Nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định/Luật) về bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) *Cơ quan chủ trì*: Bộ Công an

b) *Cơ quan phối hợp*: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra*: Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định/Luật) về bảo vệ dữ liệu cá nhân

d) *Thời hạn hoàn thành*: Năm 2027

2.6. Một số lĩnh vực liên quan

2.6.1. Nghiên cứu, rà soát pháp luật và đề xuất sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản có liên quan nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm (bao gồm xây dựng cơ chế kiện tập thể trong lĩnh vực môi trường, đầu tư và bảo vệ người tiêu dùng; xây dựng các nguyên tắc về chứng cứ và trách nhiệm cung cấp chứng cứ trong hoạt động tố tụng dân sự và hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho bên yếu thế khi thực hiện quyền khiếu kiện tại Tòa án; thúc đẩy việc áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực lao động, bảo vệ người tiêu dùng; xây dựng và hoàn thiện các mô hình, thủ tục tố tụng thân thiện, dễ tiếp cận đối với người khuyết tật, LGBTI...)

a) *Cơ quan chủ trì*: Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chủ trì

b) *Cơ quan phối hợp*: Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam và cơ quan, tổ chức khác có liên quan hoạt động hỗ trợ tư pháp

c) *Kết quả đầu ra*: Báo cáo nghiên cứu, rà soát Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản có liên quan và đề xuất, kiến nghị (nếu có); các Nghị quyết, án lệ của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

d) *Thời hạn hoàn thành*: Năm 2027

2.6.2. Nghiên cứu, rà soát pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đầu tư, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng để thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) *Cơ quan chủ trì*: Bộ Tư pháp

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và cơ quan, tổ chức khác có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật Xử lý vi phạm hành chính, các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực đầu tư, lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương, bảo vệ người tiêu dùng và các văn bản có liên quan và đề xuất, kiến nghị (nếu có)

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2027

3. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành chính sách, pháp luật

3.1. Trong lĩnh vực đầu tư

3.1.1. Nghiên cứu, xây dựng Bộ công cụ sàng lọc dự án đầu tư phù hợp với bối cảnh và các ưu tiên của địa phương nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

b) Cơ quan phối hợp: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Bộ công cụ sàng lọc dự án đầu tư của địa phương

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2027

3.1.2. Nghiên cứu, đề xuất các chính sách, biện pháp khuyến khích các tổ chức tài chính công bố các thông tin về sản phẩm tài chính dành cho các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính

b) Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các hội, hiệp hội, cơ quan, tổ chức có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Báo cáo nghiên cứu về các chính sách, biện pháp khuyến khích các tổ chức tài chính công bố các thông tin về sản phẩm tài chính dành cho các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm và đề xuất, kiến nghị (nếu có)

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2027

3.2. Trong lĩnh vực lao động

Hoàn thiện, lồng ghép các cơ chế giám sát, tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây

nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực lao động; tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực lao động

- a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
- b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan
- c) *Kết quả đầu ra:* Đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại
- d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2027

3.3. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương

Hoàn thiện, lồng ghép các cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với các nhóm dễ bị tổn thương; Tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với các nhóm dễ bị tổn thương

- a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan
- c) *Kết quả đầu ra:* Đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại; Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với các nhóm dễ bị tổn thương
- d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2027

3.4. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hoàn thiện, lồng ghép các cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực môi trường; tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực môi trường, gắn với kinh tế tuần hoàn

- a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tài nguyên và Môi trường
- b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan.

c) Kết quả đầu ra: Đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại; Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực môi trường

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2027

3.5. Trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Hoàn thiện, lồng ghép các cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh từ người dân và doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước (như đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại...) đối với việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Tăng cường thu thập, thống kê và hình thành các cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương

b) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan.

c) Kết quả đầu ra: Đường dây nóng, hộp thư tiếp nhận, hoạt động đối thoại; Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin liên quan đến các nội dung về thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2027

3.6. Một số nhiệm vụ, giải pháp liên quan khác

3.6.1. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, hiệp hội ngành nghề

b) Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Các Bộ quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức, bộ công cụ/cẩm nang về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) Thời hạn hoàn thành: Năm 2026

3.6.2. Xây dựng các Chỉ số để đánh giá các công ty niêm yết có các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán nhà nước)

b) Cơ quan phối hợp: Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo rà soát, nghiên cứu và đề xuất (nếu có) về Chỉ số đánh giá các công ty niêm yết có các hoạt động kinh doanh có trách nhiệm

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2026

3.6.3. Khuyến khích xây dựng các quy chế tự khắc phục và phòng ngừa trong nội bộ doanh nghiệp (gồm: thủ tục và nguyên tắc giải quyết khiếu nại của doanh nghiệp, các quy chế, quy tắc về quản trị nội bộ, ứng xử, đạo đức kinh doanh dưới hình thức các Bộ Quy tắc ứng xử nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm)

a) *Cơ quan chủ trì:* Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, hiệp hội ngành nghề

b) *Cơ quan phối hợp:* Cơ quan, tổ chức có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Các Bộ Quy tắc ứng xử, bản hướng dẫn doanh nghiệp về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2026

3.6.4. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tư pháp

b) *Cơ quan phối hợp:* Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo kết quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong lĩnh vực thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2027

3.6.5. Tổ chức các hoạt động đối thoại với các cơ quan nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội có liên quan nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) *Cơ quan chủ trì:* Bộ Tư pháp

b) *Cơ quan phối hợp:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) *Kết quả đầu ra:* Báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động đối thoại về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

d) *Thời hạn hoàn thành:* Năm 2027

4. Chia sẻ thông tin về tình hình kết quả của các hoạt động trong các chương trình Đề án, các diễn đàn, Hội nghị quốc tế có liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (theo chức năng, nhiệm vụ liên quan)

b) Cơ quan phối hợp: các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Trên cơ sở kết quả thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được giao trong các Chương trình, Đề án; kết quả tham dự các diễn đàn, hội nghị quốc tế liên quan, các cơ quan chủ trì thực hiện gửi Báo cáo kết quả của các hoạt động, chia sẻ thông tin và gửi kết quả về Bộ Tư pháp để tổng hợp

d) Thời hạn hoàn thành: Thực hiện định kỳ hàng năm đến năm 2027

5. Sơ kết, tổng kết, đánh giá việc triển khai Chương trình

a) Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp

b) Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các Bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan có liên quan

c) Kết quả đầu ra: Báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Chương trình

d) Thời hạn hoàn thành: Sơ kết năm 2025 và Tổng kết năm 2027

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội

1.1. Bộ Tư pháp

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chương trình.

- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết để thực hiện Chương trình, gửi về Bộ Tư pháp tổng hợp.
- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện Chương trình.
- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn, gửi về Bộ Tư pháp tổng hợp.

1.3. Doanh nghiệp

Tôn trọng và thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi kinh doanh có trách nhiệm; khuyến khích xây dựng các quy tắc ứng xử nội bộ (code of conduct) về thực hành kinh doanh có trách nhiệm

1.4. Các cơ quan, tổ chức

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết để thực hiện Chương trình, gửi về Bộ Tư pháp tổng hợp.
- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các thành viên thực hiện Chương trình.
- Sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn, ngành, nghề gửi về Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Kinh phí thực hiện

2.1. Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm (và/hoặc đầu tư công) của bộ, ngành, địa phương có liên quan theo pháp luật hiện hành. Hằng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Chương trình, các bộ, ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình và tổng hợp vào dự toán chung của bộ, ngành, địa phương được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình; ngoài ra, được huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành và pháp luật có liên quan.

2.2. Bộ Tư pháp có trách nhiệm lập dự toán thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật.

2.3. Các cơ quan, tổ chức được huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ từ các cơ quan, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để triển khai, thực hiện Chương trình. Việc sử dụng các nguồn kinh phí huy động phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật./.